

7v

Ggo

Tiếng Việt

2

TẬP MỘT



thuongmaitruongxua.vn



TIẾNG VIỆT

LỚP HAI - TẬP MỘT

(In lần thứ 7)

Biên soạn:

TRỊNH MẠNH - DINH TẤN KỲ

thuongmaitruongxua.vn



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC - 1988

TIẾNG VIỆT

TẬP MỘT - TẬP MỘT

TRƯỜNG MẠNH - TRƯỜNG MẠNH

thuongmaitruongxua.vn

Biên soạn: TRỊNH MẠNH
ĐINH TẤN KỲ
Biên tập: NGUYỄN CỎ
Biên và minh họa: HỒNG KỲ
ĐẶNG KHÁNH TƯỜNG
Trình bày: BÙI CHÍ HIẾU
Sửa bản in: HỮU HẢI

Nhà trường



TUẦN LỄ THỨ 1

1. BÁC HỒ KHUYÊN HỌC SINH



Bác rất vui lòng biết rằng: cháu nào cũng biết siêng học, siêng làm, biết ăn ở sạch sẽ, biết giữ kỉ luật, lễ phép, thế là tốt lắm.

Bác khuyên các cháu gắng sức thêm. Việc gì có ích cho Tổ quốc thì các cháu nên gắng sức làm. Tuổi các cháu còn nhỏ thì các cháu làm những công việc nhỏ. Nhiều công việc nhỏ cộng lại thành công việc to. Bác mong các cháu làm việc và học hành cho xứng đáng là nhi đồng của nước Việt Nam...

Bác hôn tất cả các cháu.

BÁC HỒ

— *Kế lược*: Những điều nhà trường đề ra cho học sinh phải tuân theo như: đi học đúng giờ, trong lớp giữ gìn trật tự, nghỉ học phải xin phép...

— *Tổ quốc*: Đất nước mình.

★ 1. Bác Hồ khen các cháu đã làm tốt được những điều gì?

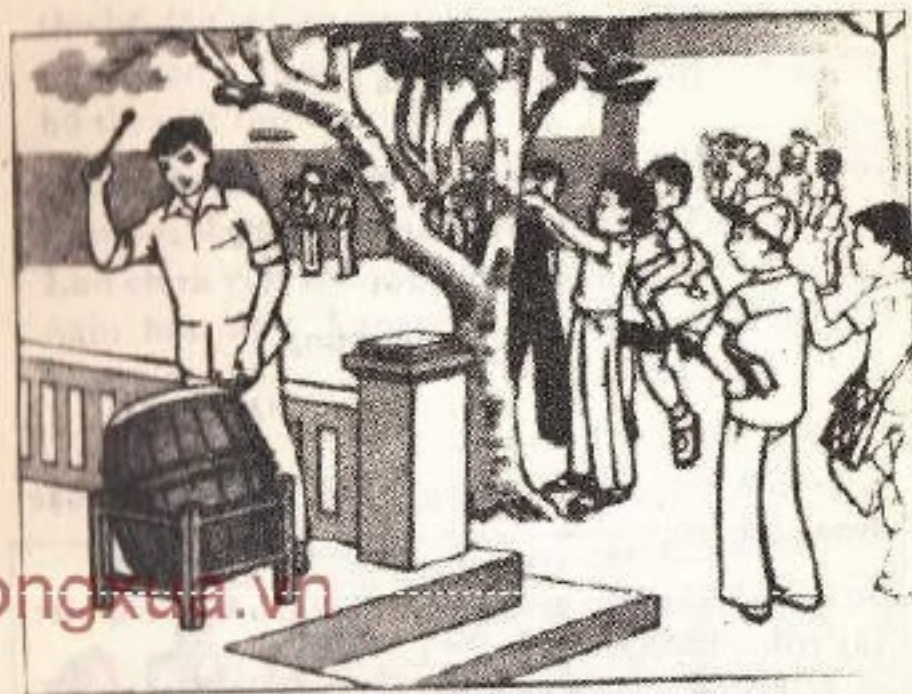
2. Bác khuyên tuổi nhỏ làm việc nhỏ. Em hãy kể một số việc nhỏ có ích mà em đã làm được.

3. Em hãy thay những từ « siêng học, siêng làm » bằng những từ khác cùng nghĩa.

4. Em đặt một câu với từ « gắng sức ».

2 CẢI TRỐNG TRƯỜNG EM

(Học thuộc lòng)



Cải trống trường em
Mùa hè cũng nghỉ.
Suốt ba tháng liền
Trống nằm ngấm nghỉ.

Buồn không hả trống
Trong những ngày hè
Bọn mình đi vắng
Chỉ còn tiếng ve.

Cái trống lặng im
Nghiêng đầu trên giá,
Chắc thấy chúng em,
Nó mừng vui quá!

Kìa trống đang gọi:
Tùng! Tùng! Tùng! Tùng!
Vào năm học mới
Giống vang tung bừng.

THANH HÀO

— *Gia trống*: Cái khung bằng gỗ để đặt (hoặc treo) cái trống.

★ 1. Câu thơ nào trong khổ thơ đầu cho em biết cái trống buồn?

2. Tại sao trong mùa hè cái trống lại buồn?

3. Tìm một câu trong khổ thơ cuối bài tả cái trống vui.

4. Tại sao cái trống lại vui?

3. NIỀM VUI NGÀY KHAI TRƯỜNG

Món quà của bố gửi về cho Lan thật đúng dịp. Một chiếc cặp màu đen có quai xách. Trong cặp có bốn quyển vở bìa xanh biếc, một cái bút chì màu và một phong thư.

Chao ôi! Sắp đến ngày khai trường, nhận được quà của bố, Lan càng thêm náo nức. Trong thư bố dặn: « Con được lên lớp hai, bố vội gửi quà về cho con. Trong năm học này, con hứa gì với bố thì viết thư cho bố nhé! »

Các bạn ơi! Hôm nay đã vào năm học mới. Lan vui vui khi cặp chiếc cặp mới đi học. Nhưng Lan chưa viết thư cho bố. Hứa gì với bố trong năm học này, Lan còn suy nghĩ thật kĩ rồi mới viết.

TRÚC MAI



— Ngày khai trường: Ngày bắt đầu năm học mới, còn gọi là ngày khai giảng.

★ 1. Sắp đến ngày khai trường, bố gửi về cho Lan những quà gì? Câu nào cho em biết Lan rất vui khi nhận được quà của bố?

2. Trong thư, bố dặn Lan điều gì?

3. Tại sao Lan chưa viết thư cho bố?

4. Em thử đoán xem Lan sẽ hứa với bố điều gì?

4 MÙA THU ĐẸP

(Bài đọc thêm)

Cứ mỗi độ thu sang,

Hoa cúc lại nở vàng.

Ngoài vườn, hương thơm ngát,

Ong, bướm bay rộn ràng.

Em cắp sách tới trường,

Nắng tươi trải trên đường,

Trời cao xanh, gió mát,

Đẹp thay lúc thu sang!

Trích Tập đọc lớp 1-1980

CHÍNH TẢ

1 — Tập chép (nhìn sách): Bác Hồ khuyên học sinh.

1. Bài chép: «Bác rất vui lòng... gắng sức thêm».

2. Viết đúng:

— Bác khuyên, giữ, kỉ luật.

— Siêng, sạch sẽ — gắng sức — lễ phép.

3. Luyện tập:

a) Điền vào chỗ trống:

— s hay x: Nam đã ...iêng học, ...iêng làm. Nam lại ăn ở ...ạch ...ẽ. Nam thật ...ững đáng là cháu ngoan Bác Hồ.

— g hay gh: cổ ... học tập, đoàn kết ... bỏ với nhau.

b) Câu bắt đầu bằng một chữ cái viết hoa và kết thúc bằng một dấu chấm. Em hãy đếm xem bài chép có mấy câu?

II — Tập chép (nhìn bảng): Niềm vui ngày khai trường.

1. Bài chép: «Chào ôi... bố nhé».

2. Viết đúng:

— Lan, gửi, niềm.

— Chào ôi — dặn — của.

3. Luyện tập:

a) Ghép chữ rời đọc lên:

— Ghép chữ gút vào các chữ: thư, quà.

b) Điền vào chỗ trống:

— Chao hay trao: ... ôi!, ... giải thưởng.

TỪ NGỮ

NGÀY KHAI TRƯỜNG

1 — Những từ ngữ cần ghi nhớ:

— Mùa hè, mùa thu, ngày khai trường, năm học mới:

— Nghỉ hè, khai giảng, siêng học siêng làm, lễ phép, náo nức, tung bừng.

II – Bài tập: Điền từ thích hợp vào chỗ trống:
Mỗi năm có ... tháng, bắt đầu từ tháng... đến tháng... Nhưng năm học của chúng em chỉ có... tháng, bắt đầu từ tháng... năm trước đến tháng... năm sau. Từ tháng sáu đến tháng tám, chúng em được...

Ngày là ngày mở đầu năm học.
Chúng em ... bước vào năm học mới.

NGỮ PHÁP

CÂU

1. Nói, viết phải thành câu. Nếu nói, viết không thành câu thì người khác không hiểu được.

2. Trong những dòng sau đây, dòng nào viết chưa thành câu?

- Ngày khai trường
- Bác rất vui lòng.
- Cái trống trường em
- Trong cặp có bốn quyển vở.
- Lan chưa

TẬP LÀM VĂN

ĐIỀN TỪ

Đề bài. Niềm vui ngày khai trường.

Em hãy chọn những từ sau đây để điền vào chỗ trống: vui sướng, khai trường, năm học, tiếng học.

Sắp đến ngày..., nhận được quà của bố, Lan càng thêm náo nức. Hôm nay đã bắt đầu..... mới. Lan..... khi cặp chiếc cặp mới đi học. Lan hứa với bố sẽ.... siêng làm như lời Bác Hồ khuyên.

TUẦN LỄ THỨ 2

5. NGÔI TRƯỜNG MỚI



Trường mới xây trên nền ngôi trường lợp lá cũ. Nhìn từ xa, những mảng tường vàng, ngói đỏ như những cánh hoa lấp ló trong cây.

Em bước vào lớp vừa ngỡ vừa thấy quen thân. Tường vôi trắng, cánh cửa xanh, bàn ghế gỗ xoan đào nổi vân như lụa. Em thấy tất cả đều sáng lên và thơm tho trong nắng mùa thu.

Dưới mái trường mới, sao tiếng trống rung
động kéo dài! Tiếng cô giáo trang nghiêm mà
ấm áp. Tiếng đọc bài của em cũng vang vang
đến lạ! Em nhìn ai cũng thấy thân thương. Cả
đến chiếc thước kẻ, chiếc bút chì, sao cũng đáng
yêu đến thế!

NGO QUÂN MIỆN

- ★ 1. Ngôi trường tả trong bài có gì đẹp?
- 2. Câu nào trong bài tả rõ những nét đẹp của
lớp học?
- 3. Những điều gì đã làm cho em học sinh cảm
động dưới mái trường mới?
- 4. Các em đã làm những gì để trường lớp của
em thêm sạch đẹp?

6. ĐI HỌC

(Học thuộc lòng)

Hôm qua em tới trường
Mẹ dắt tay từng bước.
Hôm nay mẹ lên nương
Một mình em tới lớp.

Trường của em be bé
Năm lạng giữa rừng cây.
Cô giáo em tre trẻ
Dạy em hát rất hay.

Hương rừng thơm đồi vắng,
Nước suối trong thâm thi...
Cọ xộc ò che nắng
Râm mát đường em đi.

Trích MINH CHÍNH



- ★ 1. Bạn học sinh nói trong bài ở miền xuôi hay
miền núi? Những từ nào trong bài cho em biết
điều đó?
- 2. Bạn ấy rất quý cô giáo. Những câu thơ nào
nói lên ý đó?
- 3. Con đường đi đến trường có gì đẹp?
- 4. Tìm những tiếng cùng vần ở cuối các dòng.

7. ĐẸP MÀ KHÔNG ĐẸP



Thấy bác Thành đi qua, Hùng liền gọi:

– Bác Thành ơi, bác xem con ngựa của cháu vẽ có đẹp không? Trên bức tường trắng, hiện ra những nét than đen vẽ hình một con ngựa đang leo núi.

Bác Thành nhìn bức vẽ rồi trả lời:

– Cháu vẽ đẹp đấy, nhưng còn có cái không đẹp!

Hùng vội hỏi:

– Cái nào không đẹp, hờ bác?

Bác Thành bảo:

– Cái không đẹp là bức tường của nhà trường đã bị vẽ bẩn, cháu ạ!

LỤC VĂN VẬN

★ 1. Hùng vẽ gì trên tường?

2. Tại sao bác Thành vừa khen lại vừa chê? Khen gì? Chê gì?

3. Em hãy tìm từ trái nghĩa với từ đẹp, bẩn, trắng.

8. CÔ GIÁO VỚI MÙA THU
(Bắt đọc thêm)

Cô giáo em
Hiền như cô Tấm
Giọng cô đầm ấm
Như lời mẹ ru.

Cô giáo đưa mùa thu
Đến với những quả vàng chín mọng.
Một mùa thu hi vọng
Tiếng chim ca riu rít sân trường.

Theo VŨ HẠNH THẨM

2 - TV2/1

Ngày 15/8/1990

7/2/90
THƯ VIỆN TƯ LIỆU

17

CHÍNH TẢ

I— Chính tả (nghe đọc): Ngôi trường mới.

1. Bài viết: « Trường mới xây ... nắng mùa thu ».

2. Viết đúng: ngôi trường, xây, mảng tường, lớp
lô— gỗ xoan, bờ ngõ.

3. Luyện tập:

a) Điền vào chỗ trống:

— s hay x: ...ây trường, lát ...ân, thôn ...ã, hợp
tác ...ã, lần ...ã vào.

b) Tìm trong bài chính tả những chữ có tr ở đầu
và những chữ có ng ở cuối.

II— Chính tả (trí nhớ): Cái trống trường em.

1. Bài viết: 8 câu thơ cuối.

2. Viết đúng:

— lặng im, giá, giọng.

— trống, chũng — nghiêng, vang — nghĩ, nghĩ.

3. Luyện tập:

a) Ghép chữ:

— Ghép chữ giá vào các chữ: trống, gương.

— Ghép chữ lặng vào các chữ: im, lẽ, ngất.

b) Điền vào chỗ trống:

— Nghĩ hay nghĩ: ...ngôi, ... ngôi, suy ..., ... hè.

TỪ NGỮ

TRƯỜNG HỌC

I— Những từ ngữ cần ghi nhớ:

— Ngôi trường, ngôi đồ, tường vàng, lớp học,
bàn ghế, sân trường, vườn trường.

— Thân thương, đầm ấm, bảo vệ của công.

II— Bài tập:

— Đặt câu với từ: ngôi trường, lớp học, thân
thương, đầm ấm.

— Tìm thêm những từ có thể ghép với các từ:

Đồ: đồ thăm, ...

Thân: thân thương, ...

NGỮ PHÁP

CÂU

1. Dòng nào dưới đây viết đã thành câu?

— Trường của em

— Lớp học của chúng em rất sáng sủa, sạch sẽ.

— Cô giáo em

2. Em hãy viết tiếp vào vở những dòng chưa thành
câu ở trên cho thành câu.

3. Nói và viết không thành câu thì người nghe
có hiểu được không?

Vậy muốn người khác hiểu được thì nói và viết
phải như thế nào?

TẬP LÀM VĂN

ĐIỀN TỪ

Đề bài: Ngôi trường mới.

Em hãy chọn những từ ngữ sau đây để điền vào
chỗ trống: lớp học, bàn ghế, ngôi trường, bảo vệ của
công.

Xã em vừa xây xong một Trường của
em có mười Chúng em giữ gìn
trong lớp. Giữ gìn bàn ghế, không vẽ bằn lên
tường là,

TUẦN LỄ THỨ 3



9. DÀN KIẾN NƠ ĐI

Một dàn kiến nhỏ
Chạy ngược chạy xuôi,
Chẳng ra hàng một,
Chẳng thành hàng đôi.

Đang chạy bên này
Lại sang bên họ
Cầm cò cầm dẫu
Kìa trông, xấu quá!

Chúng em vào lớp
Sống bước hai hàng.
Chẳng như kiến nọ
Rối tinh cả đàn.

Theo ĐINH HẢI

* 1. Tám câu đầu tả cảnh gì? Tại sao đàn kiến đi trông rất xấu?

2. Bốn câu cuối tả cảnh gì? Cảnh đó khác cảnh trên như thế nào?

3. Đi sống bước hai hàng là đi như thế nào?

4. Tìm hai tiếng có nghĩa trái ngược nhau ở khổ thơ đầu.

10. CÔ GIÁO LỚP EM

(Học thuộc lòng)



Sáng nào em đến lớp
Cũng thấy cô đến rồi.
Đáp lời «chào cô ạ!»
Cô mỉm cười thật tươi.

Cô dạy em tập viết.
Gió đưa thoảng hương nhài,
Nâng ghé vào cửa lớp
Xem chúng em học bài.

Những lời cô giáo giảng
Ấm trang vở thơm tho.
Yêu thương em ngấm mãi
Những diêm mười cô cho.

NGUYỄN XUÂN SANH

★ 1. Trong khổ thơ đầu, câu nào cho em biết cô giáo yêu quý các em học sinh?

2. Trong khổ thơ cuối, những từ «ấm», «ngấm mãi» nói lên tình cảm gì của em học sinh đối với cô giáo?

3. Em tìm những tiếng cuối dòng có vần giống nhau trong khổ thơ thứ 2 và 3.

11. BÉ VÀ CHIM CHÍCH BÔNG

Buổi sáng. Bé dậy sớm, ngồi học bài. Dậy sớm học bài là một thói quen tốt. Nhưng phải cố gắng lắm mới có được thói quen ấy. Rét ghê. Thế mà Bé vùng dậy, chui ra được khỏi cái chăn ấm. Bé ngồi học bài.

Rồi trời ấm dần. Phải rồi, khi chim sâu ra ăn dần, thế là trời nắng ấm.

Chim sâu nhiều thế. Nó bay tràn qua vườn
cài. Cả đàn à xuống, lúi túi trên những luống
rau trồng muộn.

Bé hỏi:

– Chích bông ơi chích bông, làm gì thế?

Chim trả lời:

– Chúng em bắt sâu.

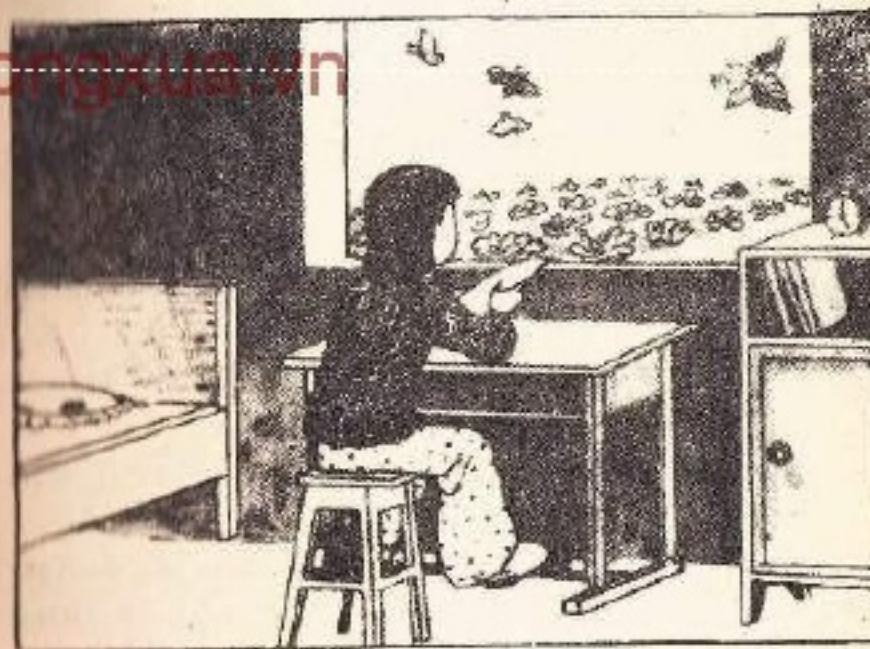
Chim hỏi lại Bé:

– Chị Bé làm gì thế?

Bé ngẩn ra, rồi nói:

– À... Bé học bài.

Trích TÔ HOÀI



— Chim chích bông: loại chim nhỏ, còn gọi là chim sâu, thường ở các vườn cây, vườn rau để tìm bắt sâu.

★ 1. Bé dậy sớm để làm gì?

2. Những câu nào, từ nào cho ta biết Bé phải cố gắng làm mới dậy sớm được? Em đã làm được như Bé chưa?

3. Chim sâu xuống vườn cái để làm gì? Những từ nào tả cánh chim sâu xuống vườn cái đông lắm?

4. Trong bài này, những ai đáng khen?

12. CHÚ BỘ ĐỘI LÁI MÁY BAY

(Bắt đọc thêm)

Trước giờ vào lớp, chúng em đang chơi thì có một chú bộ đội đến. Chú đội chiếc mũ có ông sao trên nền xanh da trời. Chú hỏi thăm cô giáo. Một bạn vào thưa với cô. Cô vội vàng bước ra. Chú bộ đội cũng bước nhanh tới, vội ngã chiếc mũ xuống:

— Em chào cô ạ!

Cô giáo bỗng đứng sững lại. Chúng em cũng nín lặng vây quanh.

— Thưa cô, em về thăm sức khỏe của cô!

Cô giáo như chợt nhớ ra:

— À! Em Thanh! Em lái máy bay à? ... Em còn nhớ cô ư?

— Thưa cô, dù bao nhiêu năm nữa, dù đi đâu rất xa, em vẫn là học sinh cũ của cô, đã từng được cô dịu dặt, dạy bảo.

Thơ PHONG THU

CHÍNH TẢ

I — Tập chép (nhìn sách): Đan kiến nó đi.

1. Bắt chép: 2 khổ thơ đầu.

2. Viết đúng:

— ngược, xuôi, cặm.

— Xấu — đan kiến — cồ.

3. Luyện tập: Đặt câu với tiếng: hàng, hàn, đoàn, dân.

II — Chính tả (nghe đọc): Đẹp mà không đẹp.

1. Bắt viết: «Trên bức tường trắng... cháu ạ!»

2. Viết đúng:

— Hùng, bác Thành,

— Trên — than — vẽ.

3. Luyện tập:

a) Viết tên các bạn cùng bàn (nhớ viết hoa)

b) Điền vào chỗ trống:

— tr hay ch: ...ên ...ời có đám mây xanh,
— giữa mây...láng, ...ung quanh mây vàng.

— n hay ng: hôn tha..., bậc tha..., tha... đen.

TỪ NGỮ

THẦY TRÒ

I — Những từ ngữ cần ghi nhớ:

— Thầy giáo, cô giáo, giáo viên, học sinh, hiệu trưởng.

— Dạy bảo, dịu dặt, yêu thương, kính trọng, biết ơn.

II — Bài tập:

Tìm từ thích hợp điền vào những chỗ trống:

— Trường em có năm thầy giáo và sáu cô giáo, tất cả là mười một... Nhưng trường em chỉ có một cô... trông nom chung mọi việc trong trường.

— Các thầy giáo, cô giáo chăm lo học sinh.

— Chúng em rất các thầy giáo, cô giáo.

CÂU - MỞ ĐẦU VÀ KẾT THÚC

Khi nói hết câu ta phải nghỉ hơi.
 Khi viết hết câu ta phải ghi dấu chấm câu.
 Chữ cái đầu câu ta phải viết hoa.

Đoạn văn dưới đây có thể cắt thành mấy câu?
 Em hãy chép lại đoạn văn này vào vở, ghi dấu
 chấm câu và viết hoa cho đúng.

trống trường đã diễm chúng em vào lớp cô
 giáo từ ngoài bước vào chúng em ngồi xuống
 giờ học bắt đầu.

TẬP LÀM VĂN

DIỄN TỪ

Đà bài: Cô giáo, thầy giáo của chúng em.

Em hãy chọn những từ sau đây để điền vào chỗ
 trống: dạy bảo, cô giáo, kính trọng, thầy giáo, yêu
 quý.

Mẹ của em ở trường là mến thương.
 Nghe lời cô em cố gắng chăm chỉ
 học tập.

Trong trường em, ngoài các cô giáo còn có
 các và thầy hiệu trưởng. Em
 rất và các thầy giáo,
 cô giáo trong trường.

TUẦN LỄ THỨ 4

13. CÒ VÀ VẠC



Cò và Vạc là hai anh em, nhưng tính nết rất
 khác nhau. Cò thì ngoan ngoãn, chăm chỉ học
 tập, sạch vở sạch sẽ luôn luôn được thầy yêu
 bạn mến. Còn Vạc thì lười biếng, suốt ngày
 chỉ nằm ngủ. Cò bảo mãi, Vạc chẳng nghe.

Nhờ chăm chỉ siêng năng nên Cò học giỏi nhất lớp. Còn Vạc thì chịu ngu dốt. Sở chúng ban chế nhạo, ban đêm Vạc mới bay đi kiếm ăn.

Ngày nay, chúng ta lật cánh Cò lên, vẫn thấy một đốm lông màu vàng nhạt, người ta bảo đó là quyền sách của Cò. Cò rất chăm học nên lúc nào cũng mang sách theo. Sau những buổi mò tôm bắt ốc, Cò lại đậu trên ngọn tre gỡ sách ra học.

Truyện cổ Việt Nam
LÊ NGÂN sưu tầm

— Vạc: Loài chim hình dáng gần giống cò, ở đầu có một túm lông nhọn, chuyên đi ăn về đêm.

- ★ 1. Em hãy nêu những tính tốt của Cò.
- 2. Vạc có tính xấu gì?
- 3. Tìm từ trái nghĩa với (luôi biếng).
- 4. Em hãy kể lại chuyện Cò và Vạc bằng lời kể của mình.

14. QUYỀN VỖ CỦA EM

(Học thuộc lòng)

Quyền vổ này mở ra
Bao nhiêu trang giấy trắng
Từng dòng kẻ ngay ngắn
Nhu chúng em xếp hàng.

Lạt từng trang, từng trang
Giấy trắng sờ mát rượi
Thơm tho mùi giấy mới
Nắn nót bàn tay xinh.

Ơi quyền vổ mới tinh
Em viết cho sạch, đẹp
Chữ đẹp là tính nết
Của những người trò ngoan.

Theo QUANG HUY



- ★ 1. Quyền vổ mới có gì đẹp khiến cho em thích?
- 2. Muốn giữ cho vổ đẹp, em phải làm gì?
- 3. Tìm những từ có vần giống nhau (hoặc gần giống nhau) ở cuối các dòng. Mỗi dòng có mấy tiếng?
- 4. Câu thơ nào có hai tiếng được lấy lại?

15. CÂU ĐỐ

ĐỒ DÙNG CỦA HỌC SINH (Bài đọc thêm)

- Mình tròn, mũi nhọn,
Không phải bò, trâu,
Uống nước ao sâu
Lên cây ruộng cạn
(là cái gì?)
- Ruột dài từ mũi đến chân
Mũi mòn, ruột cũng dần dần mòn theo.
(là cái gì?)
- Mình em thì trắng phau phau,
Áo em có đủ các màu đỏ xanh
Gân em là sợi chỉ mảnh
Giúp cậu trò nhỏ học hành nên khôn.
(là cái gì?)

CHÍNH TẢ

- I - Tập chép (nhìn bóng): Cờ và Vạc.
- 1. Bài chép: « Ngày này... ra học »
- 2. Viết đúng:
 - dăm lông, quỳên, giờ sách,
 - chằm - nhát - cũng.
- 3. Luyện tập:
 - a) Ghép chữ rời đọc lên:
 - Ghép chữ dăm vào các chữ: lông, muối.
 - Ghép chữ quỳên vào các chữ: vờ, sách, truyện, số.

- b) Điền vào chỗ trống:
 - Giờ hay dờ: ... trang sách, ... vờ ra học, ... đang.
 - Ch hay tr: ... âm học ... âm làm, ... âm công nhân việc.

II - Chính tả (trí nhớ): Di học.

1. Bài viết: 8 câu thơ cuối.

2. Viết đúng:

- Giữa, dạy, giáo, xoe.
- Rừng - lặng - trẻ.

3. Luyện tập:

a) Ghép chữ rời đọc lên:

- Ghép chữ giữa với các chữ: rừng, lớp, sơn.
- Ghép chữ dạy với các chữ: toán, văn, báo, đồ.

b) Điền vào chỗ trống:

- r hay d: Cây mọc thành ... ừng, Xe ... ừng lại trước cổng.
- n hay ng: Mặt trời lặn... Cảnh vật im lặng...

TỪ NGỮ

ĐỒ DÙNG HỌC SINH

- I - Những từ ngữ cần ghi nhớ:
 - Sách, vở, lọ mực, bút mực, bút chì, thước kẻ, giấy trắng.
 - Sạch sẽ, ngăn nắp, gọn gàng, nắn nót.
- II - Bài tập:
 - 1. Kể tiếp những đồ dùng học sinh chưa kể ở trên.
 - 2. Sách và vở có gì khác nhau?
 - 3. Sạch sẽ là không ...
 - ... là không lộn xộn.
 - ... là không luộm thuộm.
 - 4. Em tập viết... từng chữ trên trang vở mới tinh.

NGỮ PHÁP

CÂU – MỞ ĐẦU VÀ KẾT THÚC

I – Nhìn vào hình vẽ mà trả lời:



1. Lâm đang làm gì? (tranh 1)
2. Khi học thuộc bài rồi, Lâm làm gì? (tranh 2)
3. Trên bàn học, đồ đạc sắp xếp thế nào?

II – Em hãy chép lại các câu trả lời vào vở. Đoạn văn em vừa chép có mấy câu? Chữ đầu câu thì viết như thế nào cho đúng? Có dấu gì ở cuối câu?

TẬP LÀM VĂN

DIỄN TỪ

Đề bài: Đồ dùng của Lan.

Em hãy chọn những từ sau đây để điền vào chỗ trống:

Sách, vở, cặp, sạch sẽ, bút mực, gọn gàng.

Lan cấp chiếc ... mới đi học. Trong cặp, Lan để ... và một hộp bút. Hộp bút của Lan có đủ bút chì ..., thước kẻ và một cái tẩy. Lan luôn luôn giữ gìn sách vở... Đồ dùng của Lan lúc nào cũng được sắp xếp... Lan thường được cô giáo khen.

TUẦN LỄ THỨ 5

16. CỐ CHÍ THÌ NÊN



Đầu năm học, Bắc được bố đưa đến trường. Bắc nói với thầy giáo: « Xin thầy kiên nhẫn, thật kiên nhẫn, vì con tôi nó tối dạ lắm ».

Từ đó, có người gọi cậu là «Tối đa». Bắc không giận và quyết trả lời bằng việc làm. Cậu học thật chăm, khó khăn không nản. Ở lớp, điều gì chưa hiểu, cậu xin thầy giảng lại. Ở nhà, cậu học bài thật thuộc và làm bài đầy đủ. Chỉ ba tháng sau, nhờ siêng năng, cần cù, cậu vượt lên đầu lớp. Trước đây, cậu không biết tí gì về phép tính, bài chép mắc nhiều lỗi chính tả. Thế mà giờ đây, cậu giải được các bài tính đổ, viết đúng chính tả và hiểu cặn kẽ các bài học.

Cuối năm, khi trao phần thưởng cho cậu, thầy giáo phải thốt lên: «Hoan hô em Bắc! Em đã nêu một gương sáng về tính cần cù và kiên nhẫn. Thật là có chí thì nên!».

(Theo A-mi-xi
«Những tấm lòng cao cả»)

- **Tối đa:** Chăm hiểu, học chăm nhó.
- **Có chí thì nên:** Định làm việc gì mà cố gắng làm bằng được thì sẽ thành công.

★1. Bạn bè gọi Bắc là gì? Thái độ của Bắc ra sao?

2. Ở lớp và ở nhà, Bắc chăm học như thế nào? Và đã có những tiến bộ gì?

3. Tại sao Bắc được phần thưởng cuối năm học?

4. Em đặt một câu với mỗi từ: cần cù, kiên nhẫn.

17. KHUYÊN CHĂM HỌC

(Học thuộc lòng)

- Có học mới hay, có cây mới biết.
- Dốt đến đâu, học lâu cũng biết.
- Muốn biết phải hỏi, muốn giỏi phải học.
- Không cây không có thóc, không học không biết chữ.
- Di một ngày dăng, học một sàng khôn.

Tục ngữ Việt Nam

- **Dăng:** Đường.
- **Sàng:** Vạt đan bằng nan tre thưa, to bằng cái mâm, dùng để sàng cho gạo rời khỏi trấu.
- **Một sàng khôn:** Nhiều điều khôn.

★1. Trong năm câu trên, mỗi câu đều có hai tiếng cùng vần với nhau. Em hãy tìm các tiếng cùng vần đó.

2. Bốn câu đầu khuyên chúng ta những điều gì?

3. Khi đi nhiều nơi, ta cũng có thể hiểu biết thêm những điều có ích. Em hãy kể một ví dụ.

18. CHỦ GÀ TRỐNG UA DẬY SỚM

Mấy hôm nay trời rét công tay. Càng về sáng, tiết trời càng lạnh giá. Trong bếp, bác mèo mướp vẫn nằm lì bên đồng tro ấm. Bác lim dim đôi mắt, luôn miệng gừ gừ kêu: «Eo ôi! Rét! Rét!»

Thế nhưng mới sớm tinh mơ, chú gà trống đã chạy tót ra giữa sân. Chú vươn mình, dang đôi cánh to, khỏe như hai chiếc quạt, vỗ phành phạch. Cái mào đỏ rực. Chú rướn cổ lên gáy « O... o! » vang cả xóm. Bộ lông màu tía trông thật đẹp mắt. Chú chạy đi chạy lại quanh sân, dúi dúi mạp mạp, chắc nịch.

Tích Tập đọc lớp 1 - 1980



- ★ 1. Tìm những từ cho em biết trời rất rét.
- 2. Tìm những từ tả dáng điệu khỏe khoắn của chú gà trống.
- 3. Chú gà trống này rất đáng khen. Tại sao?
- 4. Đặt một câu với từ « mạp mạp ».

19. VƯỢT BẬC

(Bài đọc thêm)

Hôm chủ nhật, bố và Nam đến nhà bác chơi. Nam có một chuyện rất thú, Nam sẽ kể cho các chị nghe. Tháng này, Nam vượt từ thứ hai mươi lên thứ tám trong lớp. Nam được cô giáo khen là học khá.

Vừa xuống xe, Nam chạy ngay đến chỗ chị Bích, chị Diệp.

– Chị Bích, chị Diệp ơi! Tháng này xếp thứ, em vượt được những mười hai bậc đấy nhé!

– Thế cơ à! – Bích và Diệp cùng reo lên.

Nhìn hai chị tròn xoe mắt, Nam càng thích

– Thế còn chị Diệp vượt được mấy bậc?

– Được ... Diệp bối rối – được một bậc thôi!

– Thế chị Bích?

– Chị thì... Bích càng tỏ ra bối rối hơn – Chị thì chả vượt được bậc nào...

– Thế các chị có được cô giáo khen là khá không?

– Không.

– Thế cô giáo khen thế nào?

– Cô giáo khen là ... giỏi!

Ồ! Nam ngán người ra và chớp mắt lia lịa. Giỏi thì hơn khá dút đuôi đi rồi. Nhưng sao các

chị ấy vượt được ít bậc như thế mà lại được khen là giỏi nhỉ? Là quá.

Chợt bố Nam đứng bên cạnh cười rất to:

— Vì chị Diệp tháng trước xếp thứ nhì, tháng này lên thứ nhất, vượt được một bậc. Còn chị Bích thì toàn xếp thứ nhất thôi. Con hiểu chưa?

À, bây giờ thì Nam hiểu. Các chị ấy giỏi thật Thế mà chả ai nói trước cho Nam biết!

Theo TRẦN NINH HỒ

CHÍNH TẢ

I—Tập chép (nhìn sách): Có chỉ thì nên.

1. Bắt viết: « Có người gọi cậu là ... vượt lên đầu lớp »

2. Viết đúng:

— Bậc, « Tới dạ », quyết, giảng.

— Vượt — đầy đủ.

3. Luyện tập.

a) Điền vào chỗ trống:

— Vượt hay vược: ... qua sông, con cá..., ...bậc.

— dạ hay rạ: mát lòng, mát ..., mái lợp bằng ...

b) Lỗi em:

— Chữ gì có thể ghép với chữ quyết? Ví dụ cương, tâm, ...

II—Chính tả (nghe đọc): Chú gà trống ưa dậy sớm.

1. Bắt viết: « Mỗi sớm tinh mơ ... chắc nịch ».

2. Viết đúng:

— tốt, phành phạch, « o...o ».

— đang, rướn — vươn — vồ.

3. Luyện tập:

+ Điền vào chỗ trống:

— d hay r: ...ang tay, lạc (đậu phộng) ...ang

— n hay ng: vươ... vai, vươ... vãi khắp nơi, vươ... lên hàng đầu, vươ... vẫn trong lòng.

TỪ NGỮ

ÔN TẬP

1. Ngày khai trường là ngày gì? ta còn gọi là ngày gì?

2. Năm học có mấy tháng? Bắt đầu từ tháng nào? Năm thường có mấy tháng? Bắt đầu từ tháng nào? Tại sao lại gọi là năm học 1982—1983?

3. Trong nhà trường, học sinh làm gì? Giáo viên làm việc gì? Hiệu trưởng làm công việc gì?

4. Tìm một số từ nói về những tính tốt của người học sinh.

5. Đặt một câu với mỗi từ sau đây: khai giảng, chăm học, dạy bảo, sạch sẽ, gọn gàng.

NGỮ PHÁP

CÂU

1. Trong tranh vẽ Lâm đang nói gì với mẹ? Nói như vậy đã thành câu chưa?

Mẹ Lâm có hiểu ý Lâm muốn nói gì không? Tại sao?

Nói và viết phải như thế nào để người khác hiểu được?

Hôm thử nói tiếp họ Lâm cho thành câu.



2. Một bạn viết thư cho bố như sau:

Bố ạ.

Tuần này, em Mai học rất tiến bộ bài tập viết em được sáu điểm, bài tập đọc em được tám điểm cô giáo khen em khi nào bố về, nhớ mua cho em một cái cặp sách.

— Bạn này viết như trên đã thành câu chưa? Còn thiếu sót gì?

— Ở đây, có thể tách ra thành mấy câu?

3. Em hãy chép lại vào vở bức thư trên cho đúng.

TẬP LÀM VĂN

ĐIỀN TỪ

Đề bài: Có chỉ thì nên.

Em tự tìm lấy từ thích hợp để điền vào chỗ trống:

Bác học rất ... Cậu học ở lớp và ở nhà rất ...

Bài nào chưa hiểu kĩ, cậu xin thầy ... thêm.

Cuối năm, Bác được trao ... Thầy giáo nói: «Hoan hô em Bác! Em đã nêu một ... về học tập».



Gia đình

TUẦN LỄ THỨ 6

20. TÌNH CẢM GIA ĐÌNH



- 1 Công cha như núi ngất trời,
Nghĩa mẹ như nước ngời ngời biển Đông.
Núi cao, biển rộng mênh mông,
Công cha, nghĩa mẹ ghi lòng con ơi!

2. Anh em như thề chân tay
Rách lành dùm bọc, dở hay đỡ đần.
Ca dao Việt Nam

— Dùm bọc: Che chở, giúp đỡ nhau.

- ★ 1. Câu ca dao 1 đã so sánh công cha mẹ với gì?
Tại sao có thể so sánh như vậy?
2. Câu 2 so sánh tình anh em với vật gì? Em hiểu
thế nào là dùm bọc và đỡ đần nhau?
3. So sánh tiếng cuối của câu sáu tiếng và tiếng
thứ 6 của câu tám tiếng xem có gì giống nhau?

21. MẸ

(Học thuộc lòng)

Lặng rồi cả tiếng con ve
Con ve cũng mệt vì hè nắng oi.
Nhà em vẫn tiếng ạ ơi
Kéo cà tiếng văng mẹ ngồi mẹ ru.
Lời ru có gió mùa thu
Bàn tay mẹ quạt mẹ đưa gió về.
Những ngôi sao thức ngoài kia
Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con.
Đêm nay con ngủ giấc tròn
Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.

TRẦN QUỐC MINH

★ 1. Đọc bài này, em thích nhất những câu nào?
Tại sao?

2. Dề con ngủ ngon giấc, mẹ đã làm gì?

3. Câu nào nói lên nỗi vất vả của mẹ?

4. Tìm những tiếng cùng vần ở câu sáu tiếng
và câu tám tiếng.

22. BỐ LÀM THỢ MỘC

Tuấn chăm chú ngắm nghía từng động tác của bố. Cái bào của bố lướt trên mặt tấm ván cứ y như con tàu lướt trên mặt biển, mà đám vỏ bào đùn lên cứ y như sóng biển cuộn trào.



Cái con tậu hình khối vuông dài lao vút lên trước, rồi lùi lại sau. Những làn sóng, lúc thì song vòng, lúc thì loãn xoăn, đợt thì màu vàng, đợt thì màu nâu, màu hồng, ùn lên phía trước mũi tàu...

Gỗ của bố thường chỉ là những cái thùng cũ, những mảnh ván thừa, nhiều khi lấm lem đất cát. Nhưng khi lưỡi bào, lưỡi đục của bố đã gọt hết lượt da ngoài xấu xí đi, thì mặt gỗ nào hiện ra cũng đẹp.

Tuấn rất yêu cái mùi hương gỗ. Tối tối, Tuấn đi ngủ, hương gỗ như còn theo Tuấn vào trong cả giấc mơ.

NGÔ QUÂN MIÊN

★ 1. Nghề thợ mộc là nghề gì? Em kể vài đồ dùng trong nhà em do các bác thợ mộc làm ra.

2. Tác giả so sánh cái bào lướt trên ván như vật gì? So sánh vỏ bào như vật gì?

3. Câu nào nói lên bàn tay khéo léo của bố Tuấn?

23. LÒNG MẸ

(Bắt đọc thêm)

Đêm đã khuya, Mẹ Thằng vẫn ngồi cặm cụi làm việc. Chiều nay, trời trở rét. Mẹ cố may

cho xong tấm áo để ngay mai Thăng có thêm áo ấm đi học. Chốc chốc, Thăng trở mình, mẹ dùng mũi kim, đắp lại chăn cho Thăng ngủ ngon.

Nhìn khuôn mặt sáng sủa, bầu bĩnh của Thăng, mẹ thấy vui trong lòng. Tay mẹ đưa mũi kim nhanh hơn. Bên ngoài, tiếng gió bắc rào rào trong vườn chuối.

H.T.

CHÍNH TÀ

I – Tập chép (nhìn bảng): Tình cảm gia đình.

1. Bài chép: 6 câu đầu.

2. Viết đúng:

– Biên Đông, mệnh mông, đồ hay.

– Gia đình – ngất trời – nghĩa.

3. Luyện tập:

a) Điền vào chỗ trống:

– Gia hay đa: ... đình, ... thịt, tham ..., áo ... bò.

– Ngã hay ngở: Chi ... em nằng, cụng về một, ...

b) Ghép chữ nghĩa với các chữ: có, trả, ơn, tình,

II – Chính tả (tự nhớ): Quyên vớ của em.

1. Bài viết: 2 khổ thơ đầu.

2. Viết đúng:

– Dòng, giấy, mát rượi.

– Chúng – ngay ngắn, nể nết – mở.

3. Luyện tập:

Điền vào chỗ trống:

– Chàng hay trướng: vớ của ... em; bản ... đích.

– n hay ng: trời nã...; viết nã... nết, uốn nã...

ngồi ngay ngã...; dài hay ngã...

TỪ NGỮ

GIA ĐÌNH

I – Những từ ngữ cần ghi nhớ:

– Gia đình, ông bà, cha mẹ, anh, chị, em.

– Dùm bọc, thương yêu, đỡ đần, hòa thuận.

– Lá lành đùm lá rách.

II – Bài tập:

1. Cha còn gọi là ...

Mẹ còn gọi là ...

2. Điền thêm từ vào chỗ trống:

Những lúc rỗi rãi, em thường ... bố mẹ.

Anh chị em trong một nhà phải ... và ... nhau.

... rất thương con, ... rất thương cháu.

Mọi người trong gia đình em sống rất ... với nhau.

NGỮ PHÁP

CÂU – HAI BỘ PHẬN CHÍNH

1. Mẹ Thăng

(chưa thành câu)

2. Vá áo

(chưa thành câu)

3. Mẹ Thăng vá áo.

(đã thành câu).

Câu thường phải có đủ hai bộ phận chính. Bộ phận chính thứ nhất đứng trước, bộ phận chính thứ hai đứng sau.

— Điền thêm bộ phận thứ hai cho thành câu:

Bố Tuấn ...

Thăng ...

— Điền thêm bộ phận thứ nhất cho thành câu:

... đang ăn cơm.

... may áo mặc rét cho Thăng.

TẬP LÀM VĂN

ĐIỀN TỪ

Đề bài: Gia đình của Sơn.

Em tự tìm lấy từ thích hợp để điền vào chỗ trống:

Gia đình Sơn gồm có ông ... Sơn; ... mẹ Sơn; anh, chị Sơn, em Sơn và Sơn. Em Sơn là một em gái. Như vậy Sơn không có em ...

Ông nội Sơn tuy ... nhưng vẫn còn khỏe mạnh. Ông thường ... cây cối trong vườn. Bà nội thì ... Sơn và các em.

TUẦN LỄ THỨ 7

24. LÀM ANH



Làm anh khó đấy
Phải đau chuyện đùa
Với em gái bé
Phải « người lớn » cơ.

Khi em bé khóc
Anh phải dỗ dành
Nếu em bé ngã
Anh nâng dịu dàng.

Mẹ cho quà bánh
Chia em phần hơn
Có đồ chơi đẹp
Cũng nhường em luôn.

Làm anh thật khó
Nhưng mà thật vui
Ai yêu em bé
Thì làm được thôi.

PHAN THỊ THANH NHÀN

- ★ 1. Khi thơ thứ 2 nói làm anh phải làm gì cho em?
2. Khi thơ thứ 3 cũng nói làm anh phải làm gì cho em?
3. Tại sao ai yêu em bé mới làm anh (hoặc làm chị) được?
4. Em hãy tìm một từ có nghĩa như từ *nâng* trong câu « anh nâng dịu dàng ».

25. NGÔI NHÀ

(Học thuộc lòng)



Em yêu nhà em
Hàng xoan trước ngõ
Hoa xao xuyến nở
Như mây từng chùm.

Em yêu tiếng chim
Đầu hồi lạnh lối
Mái vàng thơm phức
Rạ đầy sân phơi.

Em yêu ngôi nhà
Gỗ tre mộc mạc
Như yêu đất nước
Bốn mùa chim ca.

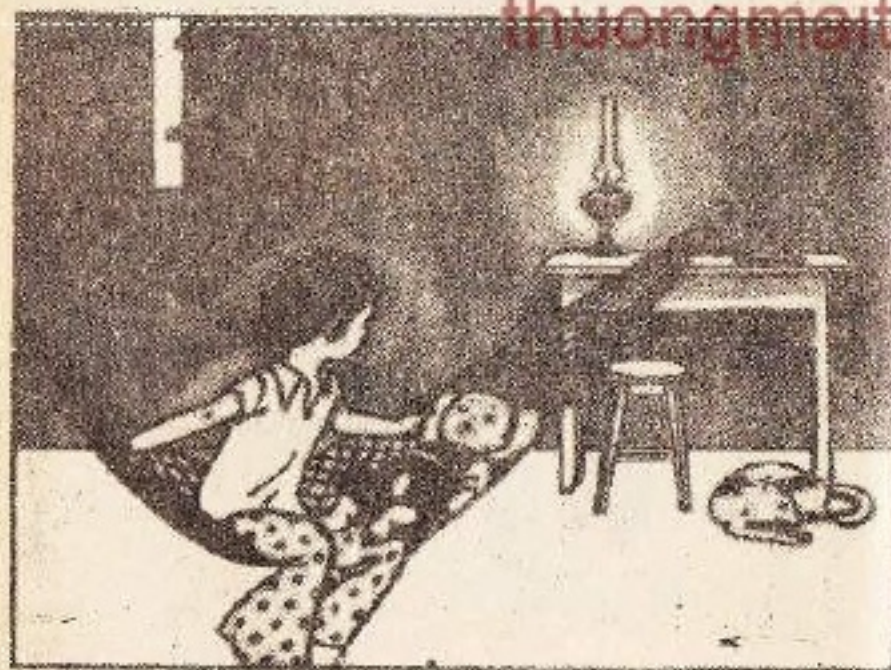
Tích TÔ HÀ

- Đầu hát: Hai bên đầu nhà.
- Mọc mạc: Đơn sơ, giản dị.
- Xoan: Tên một loại cây (có vùng gọi là cây sầu đông).

- ★ 1. Trước ngôi nhà có gì đẹp và đáng yêu?
- 2. Mái nhà có tiếng gì vui?
- 3. Ngôi nhà này làm bằng gì? lợp bằng gì?
- 4. Tại sao ngôi nhà mọc mạc nhưng đáng yêu?
- 5. Tìm thêm các từ chỉ mùi thơm như: thơm phức.

26. BÉ HOA

Bây giờ Hoa đã là chị rồi. Mẹ có thêm em Nụ. Em Nụ da đỏ hồng đẹp thật. Em Nụ cũng đã



lớn lên nhiều. Em ngủ ít hơn trước, có lúc mắt em mở to, vừa đen vừa tròn, cứ nhìn Hoa mãi. Hoa yêu em lắm. Hoa thích đưa võng ru cho em ngủ.

Đêm nay, Hoa hát hết cả bài hát mà mẹ vẫn chưa về. Từ ngày bố đi bộ đội, mẹ bận việc nhiều hơn. Em Nụ đã ngủ. Bây giờ Hoa phải viết thư cho bố. Vặn to đèn, Hoa ngồi trên ghế, nắn nót viết từng chữ:

Bố ạ.

Em Nụ ở nhà ngoan lắm. Nó ngủ cũng ngoan nữa. Con hết cả bài hát ru em rồi. Bao giờ bố về, bố dạy thêm bài khác cho con. Dạy bài thật hay ấy, bố nhé!

Trích VIỆT TÂM

- ★ 1. Bé Nụ rất xinh. Em hãy tìm những nét đáng yêu của bé Nụ.
- 2. Hoa đã giúp mẹ làm gì?
- 3. Lúc bố của Hoa nhận được thư, em tưởng tượng bố Hoa có vui không? Tại sao?
- 4. Tìm trong bài những từ chỉ người trong gia đình. Em kể thêm một vài từ khác dùng để chỉ người thân trong gia đình.
- 5. Đoạn thư Hoa viết cho bố gồm mấy câu?

27. ÔNG TÔI

(Bài đọc thêm)

Ông tôi năm nay đã già lắm. Tóc ông bạc phơ và ông không thể ăn mĩa như tôi được. Thế mà hôm nọ, ông lại trồng một cây ổi, giống ổi Bo, quả to, thơm ngọt.

Tôi liền hỏi:

— Ông ơi, ông ăn ổi lắm sao được nữa ạ?

Ông tôi nhìn tôi, móm, mém cười:

— Ông không ăn được thì đã có cháu ông ăn!

Ông tôi đã già, thế mà không một ngày nào ông quên ra vườn. Tôi vẫn thường tha thẩn theo ông, khi xới gốc, lúc tưới nước giúp ông. Tôi thầm mong sao cho ông tôi đừng già thêm nữa.

PHONG THU

CHÍNH TẢ

I — Tập chép (nhìn sách): Lâm anh.

1. Bài chép: 3 khổ thơ đầu

2. Viết đúng:

— Chuyện, « người lớn », đồ dành, dịu dàng.

— Nang — ngà.

3. Luyện tập

a) Viết chữ chuyện vào trước hoặc sau các chữ sau đây: câu, trò, kẻ.

b) Điền vào chỗ trống:

— Đỗ hay giỗ: ... em, dạy..., ngày...

— Dàng hay rảng: dịu..., rõ..., dễ ... rộn...

— Ngà hay ngà: chị... em nang; mỗi người đi một...

c) Đỗ em điền đúng:

Nang như... trứng, hừng như... hoa.

II — Chính tả (nghe đọc): Bé Hoa.

1. Bài viết « Bây giờ ... em ngủ ».

2. Viết đúng:

— Hoa, Nu, yêu

— Da, ru — mắt — ngủ, vồng.

3. Luyện tập:

a) Viết chữ đều vào trước hoặc sau các chữ sau đây: mến, thương, thân, quý.

b) Điền vào chỗ trống:

— Da, ra hay ga: ... thịt, ... vào, ... dành, giầy bằng...

— Đỗ hay giỗ: hai con..., ... lời chính tả, có tại có..., thác...

TỪ NGỮ

ÔNG BÀ

I — Những từ ngữ cần ghi nhớ:

— Ông, bà, ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại.

— Yêu quý, kính mến, vâng lời, giúp đỡ.

II — Bài tập:

1. Cha của cha em thì em gọi là

Mẹ của cha em thì em gọi là

Cha của mẹ em thì em gọi là

Mẹ của mẹ em thì em gọi là

2. Điền vào chỗ trống:

Bé Tâm ở với bà ngoại. Thường ngày, Tâm vẫn bà, xâu kim cho bà may vá. Tâm hay

trèo cây. Bà bảo không nên trèo cây và không nên ăn quả xanh. Tam bà. Bé Tam hết lòng bà ngoại. Bà cũng rất bé Tam.

NGỮ PHÁP

CÂU — HAI BỘ PHẬN CHÍNH

1. Em Nụ đang ngủ.

Hỏi: Trong câu, nói đến ai?

Trả lời: Nói đến « Em Nụ »

Kết luận: « Em Nụ » là bộ phận chính thứ nhất của câu.

Bộ phận chính thứ nhất của câu là bộ phận trả lời câu hỏi « Trong câu nói đến ai? »

2. Đặt câu hỏi để tìm bộ phận chính thứ nhất bằng cách dùng từ « ai »:

- Mẹ cho quà bánh.
- Bé Hoa đã lớn rồi.
- Hai chị em về nhà.

TẬP LÀM VĂN

DIỄN TỪ

Đề bài: Chị và em.

Em tự tìm lấy từ thích hợp để điền vào chỗ trống:

Bé Hoa là của em Nụ. Bé Sơn là của chị Lan. Hoa rất em Nụ còn Sơn thì rất chị Lan. Có đồ chơi đẹp, Hoa cho em Nụ. Có quà bánh ngon, chị Lan đều cho Sơn. Vì thế, chị và em sống với nhau rất

TUẦN LỄ THỨ 8

28. BÉ MAI ĐÃ TRỞ THÀNH NGƯỜI LỚN NHƯ THẾ NÀO?



Bé Mai rất thích làm người lớn. Bé thử đủ mọi cách: bé đi dép của mẹ, bé cài trâm lên mái tóc theo kiểu của cô. Bé lại còn đeo đồng hồ tay nữa.

Nhưng chẳng có kết quả. Mọi người chỉ nhìn bé, cười chế giễu.

Một lần, bé Mai thử quét nhà như mẹ. Bé quét sạch đến nỗi mẹ phải ngạc nhiên:

— Bé Mai của mẹ, phải chăng con đã trở thành người lớn rồi?

Và khi bé Mai rửa bát đĩa thật sạch, lau thật khô, thì cả bố mẹ đều lấy làm lạ. Lúc ngồi ăn cơm, bố nói:

— Lạ thật, bé Mai nhà ta đã lớn từ lúc nào mà chúng ta không thấy!

Mai cũng cảm thấy mình đã lớn thật. Bé không đi dép của mẹ, không cài trâm, không đeo đồng hồ. Rõ ràng những thứ ấy không làm cho trẻ con thành người lớn được.

Theo sách Tập đọc Liên Xô

★ 1. Lúc đầu, bé Mai muốn làm người lớn bằng cách nào?

2. Bé Mai được cả nhà nhận là người lớn do những việc gì?

3. Em đã trở thành người lớn như bé Mai chưa? Hãy kể vài việc em đã làm ở nhà để giúp đỡ bố mẹ.

29. NÓI VỚI EM

(Học thuộc lòng)



Nếu nhắm mắt trong vườn lộng gió
Sẽ được nghe nhiều tiếng chim hay
Tiếng lịch rích chim sâu trong lá
Con chửa vui vừa hát vừa bay.

Nếu nhắm mắt nghe bà kể chuyện
Sẽ được nhìn thấy các bà tiên
Thấy chú bé di hài bảy dặm
Quả thị thơm, cô Tấm rất hiền.

Nếu nhắm mắt nghĩ về cha mẹ
Đã nuôi em khôn lớn từng ngày.
Tay bỗng bế, sớm khuya vất vả
Mắt nhắm rồi, lại mở ra ngay.

VŨ QUÂN PHƯƠNG

★ 1. Đóng trong vườn, nếu nhắm mắt lại, em sẽ được nghe những tiếng gì?

2. Khi nghe bà kể chuyện, nếu nhắm mắt lại, em tưởng tượng thấy những gì?

3. Nếu nhắm mắt lại, nghĩ về công ơn cha mẹ, em thấy được điều gì?

4. Mỗi câu thơ có mấy tiếng? Thu vần giống nhau ở cuối các câu.

30. GIÀN MƯỚP

Thật là tuyệt! Mấy bông hoa vàng tươi, như những đốm nắng, đã nở sáng trưng trên giàn mướp xanh mát. Cái giàn trên mặt ao soi bóng xuống làn nước lấp lánh hoa vàng. Mấy chú cá rô cứ lội quanh lội quẩn ở đó chẳng muốn đi đâu. Cứ thế, hoa nở tiếp hoa. Rồi quả thì nhau chồi ra... bằng ngón tay... bằng con chuột... rồi bằng con cá chuối to. Có hôm chị em tôi hái không

xuê. Nhà ăn không hết. Bà tôi sai mang đi biếu cô tôi, dì tôi, cậu tôi, chú tôi, bác tôi, mỗi người một quả.

VŨ TỬ NAM



— Có chuột: Còn gọi là cá quả hay cá tràu.

— Không xuê: Không hết được.

★ 1. Kể những nét đẹp của giàn mướp khi có hoa.

2. Tác giả đã ví quả mướp từ lúc bé đến lúc lớn với những vật gì?

3. Đặt một câu với mỗi từ: sáng trưng, lấp lánh.

4. «Chú» khác với «cậu» như thế nào? «Cô» khác với «dì» như thế nào?

31. QUẠT CHO BÀ NGỦ

(Bắt đọc thêm)

Ơi chích chòe ơi!
Chim đừng hót nữa,
Bà em ốm rồi,
Lặng cho bà ngủ.

Bàn tay bé nhỏ
Vẫy quạt thật đều
Ngán ngẩm thiêu thiêu
Đậu trên tường trắng.

Căn nhà đã vắng
Cốc chén nằm im.
Đôi mắt lim dim
Ngủ ngon bà nhé.

Hoa cam hoa khế
Chín lặn trong vườn,
Bà mơ tay cháu
Quạt đầy hương thơm.

THẠCH QUỲ

CHÍNH TẢ

I — Chính tả (nghe đọc): Bé Mai đã trở thành người lớn như thế nào?

1. Bắt viết: « Một lần ... lấy làm lạ ».

2. Viết đúng:

— người, quét.

— trở — ngạc nhiên — bắt đầu.

3. Luyện tập:

a) Tìm và viết ra vở những chữ có vần uot trong câu sau:

Cười người hôm trước, hôm sau người cười.

Em tìm thêm ba từ có vần uot.

b) Điền vào chỗ trống:

— Chở hay trở: Thuyền ... thóc, em ... về nhà.

— ngạc hay ngạt: ... nhiên..., thờ, kính..., ngào...

— Bắt hay bác: ... đùa, chú,...

II — Chính tả (trí nhớ): Mẹ.

1. Bắt viết: 6 câu đầu.

2. Viết đúng:

— Quạt, lặng.

— ngán oi — tiếng — vắng.

3. Luyện tập:

a) Viết chữ quạt vào trước (hay sau) các chữ sau đây:

cát, nan, giấy, máy, em.

b) Điền vào chỗ trống:

— l hay n: im ... ặng, gánh ... ặng, ... ặng tai, trời ... ặng.

— n hay ng: tiế... ve ran, tiế... lên, tiế... ru, tiế... bộ.

— Vn hay vn: Trời mưa, em ... đi học. Em không chơi vở ... ở dọc đường.

HỌ HÀNG NỘI NGOẠI

I – Những từ ngữ cần ghi nhớ:

- Họ hàng, họ nội, họ ngoại
- Chú, bác, cô, dì, cậu.
- Thân thiết, ruột thịt.

II – Bài tập:

1. Điền từ thích hợp vào các chỗ trống:

Bố mẹ Lan quê ở Hà Nội. Họ hàng bên..... và bên.... Lan cũng ở Hà Nội. Lan gọi các anh, các chị của bố và mẹ đều bằng..... Các em trai và em gái của bố thì Lan gọi bằng..... và..... Nhưng các em trai, em gái của mẹ, Lan lại gọi bằng..... và.....

2. Ai bên nội, ai bên ngoại?

Giàn mướp ở nhà rất sai quả. Có hôm chỉ em tôi hái không xuê. Nhà an không hết. Bà tôi sai mang đi biếu cô tôi, dì tôi, cậu tôi, chú tôi, bác tôi mỗi người một quả.

Như vậy, bên nội tôi đã biếu những ai, bên ngoại đã biếu những ai?

NGỮ PHÁP

CÂU – HAI BỘ PHẬN CHÍNH

1. Bộ phận chính thứ nhất của câu còn là bộ phận trả lời câu hỏi: « Trong câu nói đến con gì? Nói đến cái gì? »

2. Đặt câu hỏi để tìm bộ phận chính thứ nhất trong hai câu sau:

Con chla vôi vừa hót vừa bay.

Hoa mướp nở vàng rực.

3. Tìm bộ phận chính thứ nhất trong các câu sau:

Bé Hoa đang viết thư cho bố. Em năn nót viết từng chữ. Bức thư đã viết xong. Con mèo đang lim dim ngủ trên bàn.

TẬP LÀM VĂN

QUAN SÁT TRANH VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Đề bài: Giàn mướp.

(Xem tranh ở bài « Giàn mướp »)

2. Câu hỏi:

1. Giàn mướp (trong tranh) bắc ở đâu?

2. Trên giàn mướp em thấy những gì?

3. Hình thù những quả mướp khác nhau như thế nào?

4. Em hãy nhìn vào tranh đặt thêm một câu hỏi và tự trả lời.

TUẦN LỄ THỨ 9

32. ĐỒ DÙNG ĐỀ Ở DẦU ?



Minh nhìn lên đồng hồ. Đã đến giờ đi học. Minh cuống cuống tìm quần áo để mặc. Nhưng chú bé không thấy quần dài, không thấy áo, không thấy dép đâu cả.

Minh gất lên:

— Quần ta đâu rồi?

Quần lên tiếng:

— Tôi đây! Tôi đây! Tôi ở trong xó tủ. Tôi qua anh nhét tôi vào đây cơ mà!

— Áo ta đâu?

— Tôi ở đây! Trên đỉnh màn này. Tôi qua anh vớt tôi lên đây cơ mà! — Chiếc áo nhàn nhúm, kêu lên như vậy.

— Dép của ta ở đâu?

— Tôi đây! Dưới gầm tủ ấy! — Chiếc dép bên phải trả lời. Chiếc bên trái im thin thít. Nó không nghe thấy tiếng Minh hỏi. Nó nằm ngoài cửa.

Cuối cùng, Minh cũng mặc xong quần áo và tìm thấy dép. Nhưng trống vào học đã đánh rồi. Minh chạy bỏ hơi tai mà vẫn chậm.

NHỊ HÀ

— Chạy bỏ hơi tai: Chạy vội vã và mệt hết sức.

* 1. Đồ dùng của Minh đề như thế nào? Em kể từng cái xem có đúng chỗ không? Nên đề như thế nào mới đúng chỗ?

2. Đồ dùng đề lộn xộn có hại gì?

3. Đặt một câu với mỗi từ, ngữ: cuống cuống, chạy bỏ hơi tai, im thin thít

33. DÀN GÀ MỚI NƠ

(Học thuộc lòng)

Lông vàng mát dịu
Mắt đẹp sáng ngời
Ôi! chú gà ơi!
Ta yêu chú lắm!

Mẹ dang đôi cánh
Con biến vào trong
Mẹ ngàng đầu trông
Bọn diều, bọn quạ.

Bay giờ thông thả
Mẹ đi lên đầu
Dàn con bé tí
Liu riu chạy sau.

Con mẹ đẹp sao
Những hòn tơ nhỏ
Chạy như lăn tròn
Trên sân, trên cỏ.

Vườn trưa gió mát
Bướm bay rập rờn
Quanh đôi chân mẹ
Một rừng chân con

Trích PHẠM HỒ



★ 1. Nêu những nét xinh đẹp của đàn gà con (ở khổ 1 và khổ 3 - 4).

2. Tìm những từ tả gà mẹ bảo vệ đàn con.

3. Đàn gà con có đông không? Những câu nào cho biết gà mẹ có nhiều con? (ở khổ 3 và 5)

4. Tìm những tiếng cùng vần ở cuối mỗi dòng.

34. CÔ CHỖI RƠM

(Bài đọc thêm)

Trong họ hàng nhà chổi thì cô bé Chổi Rơm vào loại xinh xắn nhất. Cô có chiếc váy vàng óng, không ai đẹp bằng. Áo của cô cũng bằng rơm thóc nếp, vàng tươi, được tết sẵn lại, cuốn từng vòng quanh người, trông cứ như áo len vậy.

Tuy bé nhưng Chổi Rơm rất được việc. Ngày hai lần, chị Thùy Linh mang chổi ra quét nhà. Chị quét nhà thôi, còn sân vườn đã có loại chổi khác cứng hơn.

Chị rất quý Chổi Rơm. Chị đã nhờ bà đóng cho chiếc dinh sau cánh cửa. Mỗi lần quét nhà xong, chị treo Chổi Rơm lên đấy vừa đỡ ăm chổi, lại gọn nhà. Thế là sau những lần lao động mệt nhọc, Chổi Rơm được nằm yên ngủ một giấc ngon lành.

Theo VŨ DUY THÔNG

CHÍNH TẢ

I – Chính tả (nghe đọc): Đờ dùng dờ ở đâu?

1. Bắt viết: « Minh nhìn lên ... đậu cá » và « Cuối cùng ... vẫn chậm ».

2. Viết đúng:

– Quần, dép, cuống cuống.

– Xong – cuối – đã.

3. Luyện tập:

– Điền vào chỗ trống:

– Xong hay song: Làm bài ... em mới đi chơi.

Cửa sò thường có ... chán ... gỗ hay chán ... sắt.

– Cuối hay cũ: ... cùng, ... năm, ... đầu ... cò.

II – Tập chép (nhìn bảng): Đập gà mới nở.

1. Bài chép: 3 khổ thơ đầu.

2. Viết đúng:

– dịu, yêu, ngang, dịu.

– dang, liu riu.

3. Luyện tập:

Điền vào chỗ trống:

– d hay r: ...ang tay, ngò ...ang, râm ...an.

– n hay ng:

+ Những con bò và ... nòi bật trên thềm cỏ xanh.

+ Những buổi sá..., dà... bò cứ xá... đến những bãi cỏ non. Thỉnh thoảng, chúng ngà... đầu lên có vẻ ngó ngà...

TỪ NGỮ

ÔN TẬP

1. Sắp xếp tên gọi những người trong gia đình theo thứ tự trên dưới.

2. Thế nào là ông nội, bà nội? Thế nào là ông ngoại, bà ngoại?

3. Bên nội là gì? Bên ngoại là gì? Kể tên một số bà con bên nội, bên ngoại.

4. Bé Mai là con của chú tôi và thím tôi, nên là em họ tôi. Bé Hoa cũng là em họ tôi, vì là con của cậu tôi và mẹ tôi. Vậy ai là em họ bên nội? Ai là em họ bên ngoại?

5. Em đã nhường nhịn các em ở nhà như thế nào? Trong một gia đình hòa thuận thì mọi người đối xử với nhau ra sao?

NGỮ PHÁP

CÂU – HAI BỘ PHẬN CHÍNH

1. Chị Thủy Linh quét nhà.

Hỏi: Trong câu nói đến ai?

Trả lời: Nói đến « Chị Thủy Linh ».

Vậy « Chị Thủy Linh » là bộ phận chính thứ nhất.

Hỏi: « Chị Thủy Linh » làm gì?

Trả lời: « quét nhà ».

Kết luận: « quét nhà » là bộ phận chính-thứ hai của câu.

Bộ phận chính thứ hai của câu là bộ phận trả lời câu hỏi « ... làm gì? »

2. Đặt câu hỏi để tìm bộ phận chính thứ hai trong các câu sau:

- Bà tôi kể nhiều truyện cổ tích.
- Gà mẹ che chở cho con.
- Bố bạn Tuấn đóng bàn ghế.

TẬP LÀM VĂN

QUAN SÁT TRANH VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Đề bài: Dân gà mới nở.

(Xem tranh ở bài « Dân gà mới nở »)

2. Câu hỏi:

1. Dân gà con (trong tranh) có những nét gì đẹp?
2. Gà mẹ và gà con đang làm gì? ở đâu?
3. Con gì đe dọa dân gà con?
4. Gà mẹ làm gì để bảo vệ dân con?
5. Nhìn tranh, em hãy đặt thêm một câu hỏi nữa và tự trả lời.

Đất nước ta





TUẦN LỄ THỨ 10

35. VẼ QUÊ HƯƠNG

Bút chì xanh đỏ
Em gọt hai đầu
Em thử hai màu
Xanh tươi, đỏ thắm.

Em vẽ làng xóm
Trời xanh, lúa xanh
Sông máng lượn quanh
Một dòng xanh mát
Trời mây bát ngát
Xanh ngắt mùa thu
Xanh-màu ước mơ...
Em quay đầu đỏ
Vẽ nhà em ở
Ngôi mới đỏ tươi
Trường học trên đồi
Em tô đỏ thắm
Cây gạo đầu xóm
Hoa nở chói ngời

A, nắng lên rồi!
Mặt trời đỏ chói
Lá cờ Tổ quốc
Bay giữa trời xanh...
Chị ơi bức tranh
Quê ta đẹp quá!

DINH HẢI

★ 1. Nếu, những cảnh vật có màu xanh được tả trong bài. Tìm thêm những cảnh vật có màu xanh ở quê em.

2. Những cảnh vật nào có màu đỏ đã được tả trong bài? Kể thêm những cảnh vật có màu đỏ ở quê em.

3. Nếu những từ chỉ màu xanh và màu đỏ có trong bài. Tìm thêm các từ chỉ màu xanh và màu đỏ giống như thế. Ví dụ: xanh tươi, xanh ngắt, đỏ thắm, đỏ tía,...

36. TA YÊU QUÊ TA

(Học thuộc lòng)

Yêu từng bờ ruộng, lối mòn,
Đỏ tươi bông gạo, biếc rờn ngàn dâu.
Yêu con sông mặt sóng xao,
Đồng sông tuôn nhỏ ri rào hát ca.



Yêu hàng ớt đã ra hoa
 Dám dưa trổ nụ, dám cà trổ bông.
 Yêu sao tiếng mẹ ru nồng,
 Tiếng thoi lách cách bên nong dậu tăm.

Trích LÊ ANH XUÂN

— Ngàn dậu: Bãi trồng dậu rất rộng, thường ở ven các sông lớn.

— Mặt sông xao: Mặt nước chuyển động nhẹ, lăn tăn gợn sóng.

— Trổ bông: Nở hoa, ra hoa.

— Tiếng mẹ ru nồng: Tiếng mẹ ru âm áp, đậm đà.

★1. Đọc bài này, em thấy quê hương tác giả là thành phố hay nông thôn? Vì sao em biết?

2. Tác giả yêu những cảnh vật nào ở quê nhà?

3. Kể những màu sắc và âm thanh trong bài.

4. Kể một vài cảnh đẹp ở quê em.

37. HỒ GƯƠM

Nhà tôi ở cách Hồ Gươm không xa. Từ trên gác cao nhìn xuống, hồ như một chiếc gương bầu dục lớn, sáng long lanh.



Cầu Thê Húc màu son, cong cong như con tôm, dẫn vào đền Ngọc Sơn. Mái đền lấp ló bên gốc đá già, rễ lá xum xuê. Xa một chút là Tháp Rùa, tường rêu cổ kính, xây trên gò đất cỏ mọc xanh um. Có buổi người ta thấy có con rùa lớn, đầu to như trái bưởi, nhô lên khỏi mặt nước. Nó như lắng nghe tiếng chuông đồng hồ trên tầng cao nhà bưu điện buồm từng tiếng ngân nga trong gió. Tôi thầm nghĩ: Không biết có phải con rùa đã từng ngậm thanh kiếm của vua Lê thắng giặc đó không?

NGÔ QUÂN MIỆN

— Hồ Gươm: Còn gọi là hồ Hoàn Kiếm ở thủ đô Hà Nội.

— Cô kính: Mang vẻ đẹp của thời xưa còn để lại.

★ 1. Tác giả so sánh Hồ Gươm với vật gì?

2. Nhìn vào tranh, em chỉ cầu Thê Húc, đền Ngọc Sơn, Tháp Rùa.

3. Nêu vài vẻ đẹp của Hồ Gươm được tác giả tả trong bài.

38. RỪNG MIỀN ĐÔNG

(Bắt đọc thêm)

Đang vào mùa rừng dầu trút lá. Tàu lá dầu liệng xuống như cánh diều, phủ vàng mặt đất.

Mỗi khi có cơn hoẵng chạy qua, thảm lá khô vang động như có ai đang bẻ chiếc bánh đa. Những cây dầu con mới lớn, phiến lá đã to gần bằng lá già rụng xuống. Lá như cái quạt nan che lấp cả thân cây. Đang giữa trưa nắng, gặp rừng dầu non, mát bỗng dịu lại như đang lạc vào một vùng rau xanh mát.

Hết rừng dầu lại đến rừng cao su. Màu xanh lá dầu chỉ có thể so sánh với màu cao su vừa thay lá. Những cánh rừng cao su thăm thẳm như những cái hàng động màu ngọc bích. Sắc lá càng xanh biếc trong màu đất đỏ tươi.

CHU LAI

CHÍNH TÁ

1 — Chính tá (nghe đọc): Vẽ quê hương.

1. Bài viết: 12 câu thơ đầu.

2. Viết đúng:

— lượn quanh, đồng.

— màu — máng — vẽ.

3. Luyện tập:

a) Điền vào chỗ trống:

— n hay ng: dòng sông lượn..., hay lượn..., số lượn...

— Vẽ hay vẽ: Em ... tranh. Nó cười vui ...

b) Ghép chữ rồi đọc lên:

— Ghép chữ quanh với các chữ: lượn, co, chung.

— Ghép chữ hóa với các chữ: thuận, bình.

II – Chính tả (trí nhớ): Nói với em.

1. Bài viết: 2 khổ sau của bài thơ.

2. Viết đúng:

– Nhâm, chuyện, khuya, Tấm.

– dậm – nuôi – vất vả.

3. Luyện tập:

a) Ghép chữ rồi đọc lên:

– Ghép chữ *chuyện* vào các chữ: *nét, kẻ.*

– Ghép chữ *khuya* vào các chữ: *đem, thức.*

b) Điền vào chỗ trống:

– *Dặm hay rặm*: đường xa muôn ...; rừng cây ... rậm.

– *Vô hay vơ*: vất ..., vật ..., ăn ...

TỪ NGỮ

QUÊ HƯƠNG ĐẤT NƯỚC

I – Những từ ngữ cần ghi nhớ:

– Quê hương, làng xóm, quê cha đất tổ, Tổ quốc, đất nước, non sông, thủ đô.

– Yêu nước thương nòi, bảo vệ Tổ quốc, xây dựng đất nước.

II – Bài tập:

– Điền từ vào chỗ trống:

Tổ quốc ta là nước ... Hà Nội là thủ đô của ... chúng ta. Nhân dân ta rất giàu lòng ... luôn luôn sẵn sàng chiến đấu để ... Nhân dân ta lại hằng háo hức đua lao động sản xuất để ...

NGỮ PHÁP

CÂU – HAI BỘ PHẬN CHÍNH

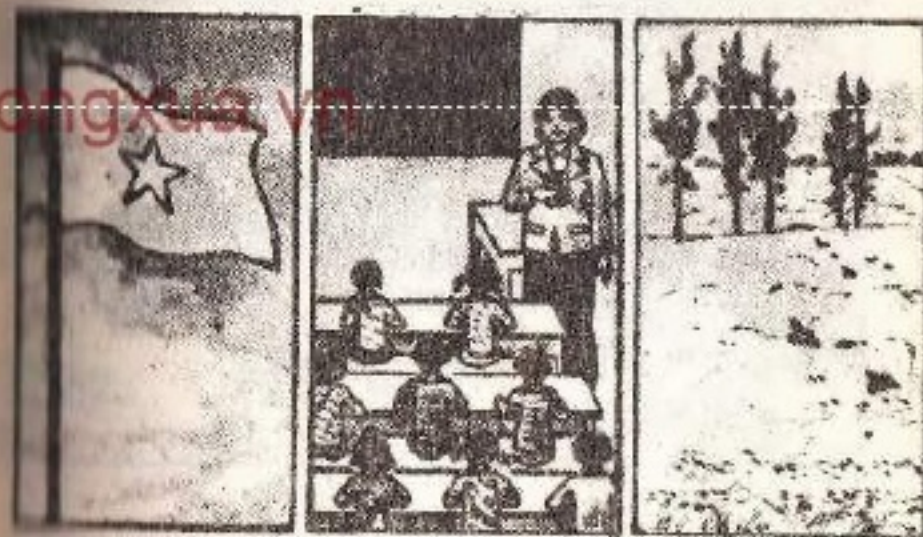
1. Đặt câu hỏi để tìm bộ phận chính thứ nhất và bộ phận chính thứ hai trong hai câu sau:

– Chúng em chăm học chăm làm.

– Đất nước ta vô cùng tươi đẹp.

Bộ phận chính thứ hai của câu còn là bộ phận trả lời câu hỏi: « ... như thế nào? »

2. Nhìn vào hình vẽ mà đặt câu:



3. Em hãy viết vào vở những câu em vừa đặt. Phân biệt bộ phận chính thứ nhất và bộ phận chính thứ hai.

TẬP LÀM VĂN

QUAN SÁT TRANH VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI

I – Đề bài: Quê hương.

(Xem tranh ở bài: Về quê hương)

II – Câu hỏi:

1. Nhìn bức tranh quê hương, em thấy đây là cảnh nông thôn hay thành phố? Vì sao em biết?
2. Tranh vẽ những cảnh gì? Em thích cảnh nào nhất?
3. Dựa vào tranh, em nêu thêm hai câu hỏi và tự trả lời.



TOÀN LỄ THỨ 11

39. BẾN NHÀ RỒNG



Nền trời rực hồng. Từng đàn chim én chao lượn, bay ra phía biển. Những con tàu sơn trắng đều san sát, tung bay cờ đủ màu của các nước. Trông chúng như những tòa lâu đài nổi, ẩn hiện

giữa sương mù và làn khói nước nhẹ nhẹ cuốn lên trong gió ban mai.

Một hồi còi rền mặt sông. Hùng hỏi ông:

— Cháu nghe nói mấy chủ hoa tiêu biết hết những chỗ sâu, cạn, những chỗ có đá ngầm trên sông này phải không ông?

— Đúng!

— Giỏi quá ông nhỉ!

— Nhưng Bác Hồ mới là người hoa tiêu tài giỏi nhất. Cách đây bảy mươi năm, từ bến cảng này, Bác đã ra đi tìm đường cứu nước. Bác đã lái con thuyền Tộc quốc Việt Nam vượt muôn trùng sóng gió, đến bến bờ Độc lập, Thống nhất ngày nay đây, cháu à!

ĐOÀN GIỚI

— Bến Nhà Rồng: Một trong 16 bến của cảng Sài Gòn, nằm trên sông Sài Gòn.

— Hoa tiêu: Người dẫn đường cho các tàu thủy (hoặc người lái máy bay).

★ 1. Cảnh Bến Nhà Rồng được tả vào lúc nào? Tả nào cho em biết điều đó?

2. Cảnh bến có những nét gì đẹp?

3. Tác giả so sánh những con tàu với vật gì?

4. Bến Nhà Rồng còn giữ được kỉ niệm gì đáng quý?



40. GẠCH ĐỎ (Học thuộc lòng)

Gạch vào lò
Lửa bùng to,
Khói ngùn ngụt
Than đỏ rực
Suốt đêm ngày.
Gạch kẻ vai
Đứng chịu nóng.
Hơi lửa bỏng
Quần quanh người.

A! Gạch chín rồi
Áo hồng sắc lửa
Lạnh canh tiếng cười.
Gạch ơi! gạch ơi!
Gạch rắn, gạch khỏe,
Áo thấm, áo tươi,
Gạch chào đất mẹ
Đi xây cuộc đời.
Kìa, xe đã đến,
Còi reo đón mời,
Tùng chuyển, tùng
chuyển
Gạch đi đỏ trời.

NGUYỄN BIỂU

★ 1. Những từ nào hoặc câu nào cho em biết viên gạch ở đây được ví như con người?

2. Những viên gạch đã nung chín trông tươi đẹp và cứng rắn như thế nào?

3. Em hiểu « gạch đi xây cuộc đời » ý nói gạch dùng để làm gì?

4. Phân biệt nghĩa của từ chín: cơm chín, chuối chín, gạch chín, chín tuổi.

5. Đoạn I là thơ mấy tiếng, đoạn II là thơ mấy tiếng?

41. BẾN CẢNG HẢI PHÒNG

Em ra thăm bến cảng
Thăm chú ở hải quân
Lúc trời vừa hừng sáng,
Sương sớm đang tan dần.

Giữa mặt nước mênh mông
Tàu hải quân ta đó
Xếp hàng nối đuôi nhau
Trông như từng dãy phố.

Khi mặt trời lên tỏ
Nước xanh chuyển màu hồng
Cờ trên tàu như lửa
Sáng bừng cả mặt sông.

NGUYỄN HỒNG KIÊN



— Cảng: nơi tàu, thuyền đậu để chuyển hàng.

— Hải quân: quân đội bảo vệ vùng biển.

★ 1. Nhìn vào bản đồ Việt Nam, em chỉ cảng Hải Phòng.

2. Trời hừng sáng là vào khoảng mấy giờ sáng?

3. Em hiểu thế nào là tàu xếp hàng nối đuôi nhau?

4. Trong bài, đoàn tàu hải quân được so sánh với cái gì?

5. Khi trời sáng rõ, bến cảng trông đẹp như thế nào?

42. BỐN MÙA HOA THẨM

(Bát đọc thêm)

Cây bầu hoa trắng,
Cây mướp hoa vàng,
Tím tím hoa xoan,
Đỏ tươi râm bụt.

Mào gà đỏ chót,
Hồng ửng hoa đào,
Cao tit hoa cau
Mà thơm ngan ngát,
Hoa sen trên nước,
Hoa dừa trên mây,
Đất nước em đây
Bốn mùa hoa thắm.

Trích Tập đọc lớp 2 - 1980

CHÍNH TẢ

I - Chính tả (nghe đọc): Bến Nhà Rồng.

1. Bắt viết: «Nền trời... ban mai».

2. Viết đúng:

— Nhà Rồng, chao lượn, tỏa, cuốn.

— san sát, nổi.

3. Luyện tập:

a) Đồ em: Trong các chữ sau đây: lượn, đôi, cánh, trái.

— Chữ nào có thể ghép với chữ chao?

— Chữ nào có thể ghép với chữ trao?

b) Điền vào chỗ trống:

— sát hay xát: san..., có..., năm..., đất..., xô phòng.

— san hay sang: ... bằng, ... phẳng, ... giàu, ... sông.

II - Chính tả (trí nhớ): Ta yêu quê ta.

1. Bắt viết: Cả bài.

2. Viết đúng:

— Yêu, biếc rờn, dòng.

— dàu - tươi, tuổi - trẻ.

3. Luyện tập:

a) Gạch dưới những chữ yếu trong bài chính tả.

b) Điền vào chỗ trống:

— út hay ươi: đồ t..., tốt t..., c... ngựa,
khung c..., g... thư.

— út hay uôt: nhỏ t..., t... thân, lên bảy t...

TỪ NGỮ

THÀNH PHỐ

I - Những từ ngữ cần ghi nhớ:

— thành phố, đường phố, cửa hàng, nhà máy,
xe cộ, mặt đường, vỉa hè.

— san sát, tấp nập, nhộn nhịp.

II - Bài tập:

Điền từ thích hợp vào chỗ trống:

Ở các thành phố thường có nhiều nhà cửa... Trên
đường phố, suốt ngày... qua lại, nhộn nhịp. Hai bên
... người đi bộ cũng đi lại... Thủ đô Hà Nội và
thành phố Hồ Chí Minh là những... lớn nhất ở
nước ta.

NGỮ PHÁP

ÔN TẬP CÂU

1. Tại sao nói và viết phải thành câu?

2. Khi viết, hết câu ta phải làm gì? Chữ đầu câu
phải viết như thế nào?

3. Đoạn văn sau đây có mấy câu? Viết lại, chấm câu cho đúng.

— Nhân dân ta rất anh hùng đất nước ta vô cùng tươi đẹp chúng em cố gắng học giỏi chúng ta xây dựng Tổ quốc giàu mạnh.

4. Câu có mấy bộ phận chính?

5. Bộ phận chính thứ nhất trả lời câu hỏi nào?

6. Tìm bộ phận chính thứ nhất trong mấy câu sau:

— Chúng em yêu quý Tổ quốc Việt Nam.

— Con rửa nhũ dầu lên khỏi mặt nước.

— Dòng sông ri rào hát ca.

7. Bộ phận chính thứ hai trả lời câu hỏi nào?

8. Tìm bộ phận chính thứ hai trong mấy câu sau:

— Em ra thăm bến cảng.

— Nền trời rực hồng.

— Đồng ruộng quê hương đẹp như một bức tranh.

TẬP LÀM VĂN

QUAN SÁT TRANH VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Đề bài: Nhà máy gạch.

(Xem tranh ở bài «Gạch đỏ»).

2. Câu hỏi:

1. Nhìn tranh, em có thể biết đây là nhà máy gì không? Vì sao em biết?

2. Các chú công nhân đang làm gì?

3. Trên bãi nhà máy có nhiều người đang làm gì bên chiếc xe vận tải?

4. Xe này sẽ chở gạch đi những đâu? để làm gì?

5. Em hãy kể những nhà máy khác ở quê em.

TUẦN LỄ THỨ 12

43. CẢNH ĐỒNG LÚA CHÍN



Ánh nắng ban mai trải xuống cánh đồng vàng óng, xua tan dần hơi lạnh mùa đông. Lúa nặng trĩu bông, ngả đầu vào nhau, thoang thoang hương thơm. Từng cơn gió nhẹ làm cả biển

vàng rung rinh như gợn sóng. Dân chim gáy ở đầu bay về gù vang cánh đồng, như hòa nhịp với tiếng hát trên các thửa ruộng. Các tồ lao động đang thoăn thoắt đưa tay hái, xen ngang từng bụi lúa. Nón trắng nhấp nhô, mọi người dân thành hàng ngang như một đoàn quân đang nhịp nhàng tiến bước.

Ngày mùa, cánh đồng lúa trông thật là đẹp mắt.

TRÚC MAI

thuongmaitruongkua.vn

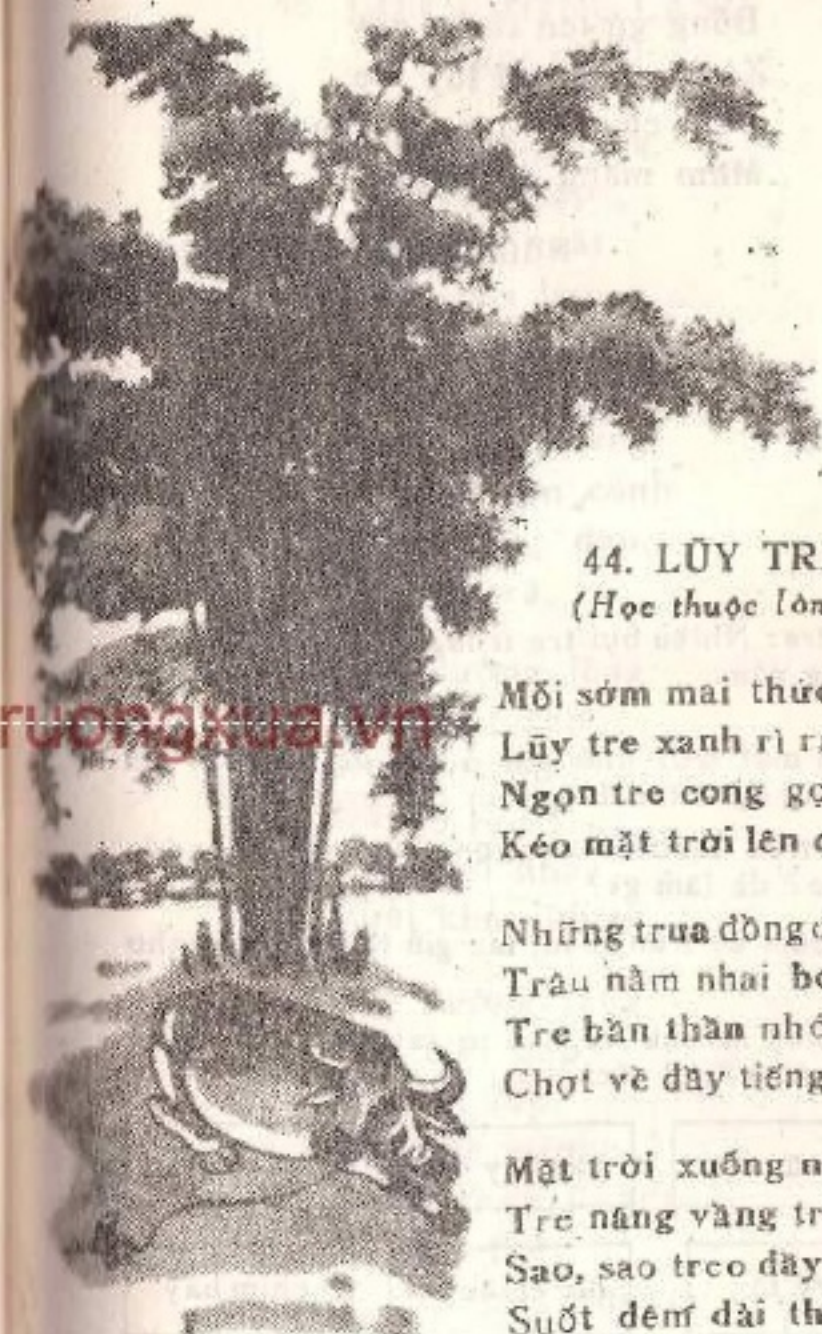
★ 1. Những từ nào cho em biết cánh đồng lúa rất tới?

2. Tìm những từ tả màu sắc của cánh đồng lúa chín.

3. Ngoài màu sắc đẹp để được nhìn thấy, đứng ở cánh đồng lúa chín ta còn ngửi thấy mùi gì và nghe thấy âm thanh gì?

4. Câu nào tả cảnh mọi người đang háng say gặt lúa?

5. Đặt một câu với mỗi từ: thoăn thoắt, nhấp nhô.



44. LŨY TRE

(Học thuộc lòng)

Mỗi sớm mai thức dậy,
Lũy tre xanh rì rào,
Ngọn tre cong gọng vó
Kéo mặt trời lên cao.

Những trưa đồng đầy nắng,
Trâu nằm nhai bông rơm.
Tre bần thần nhớ gió
Chợt về đây tiếng chim.

Mặt trời xuống núi ngủ
Tre nâng vầng trăng lên
Sao, sao treo đây cảnh
Suốt đêm dài thấp sáng.

Bống gà lên tiếng gáy
Xôn xao ngoài lũy tre
Đêm chuyền dần về sáng
Mầm măng đợi nắng về

NGUYỄN CÔNG DƯƠNG

— *Lấy tre:* Nhiều bụi tre trồng thành dày dày bao quanh làng xóm.

★ 1. Nhìn mặt trời nhô lên ở đầu bụi tre, tác giả tưởng tượng ngọn tre đang làm gì?

2. Buổi trưa thường có những loài vật nào đến với lũy tre? để làm gì?

3. Vào đêm có trăng sao, tác giả thấy lũy tre như thế nào?

4. Sắp xếp lại thứ tự các từ sau đây cho thành câu (mỗi câu xếp 2 cách):

a)

khuất dần

sau lũy tre

mặt trời

b)

về tồ

lúc chiều tối

chim bay

45. CON ĐƯỜNG LÀNG

(Bài đọc thêm)

Con đường làng
Vừa mới đắp
Đã xanh ngắt
Hàng phi lao
Gió xôn xao
Về đưa vống
Chim vui sướng
Đến chuyền càn
Bướm tung đàn
Bay rộn rã.

Con đường làng
Vừa mới đắp
Xe chở thóc
Đã hò reo
Nối đuôi nhau
Cười khúc khích.

Con đường làng
Vừa mới đắp
Em đến lớp
Mỗi tình sương
Trông thấy đường
Sao đẹp thế!

Theo NGUYỄN NGỌC KỲ

46. CÂU ĐỐI
(Bài đọc thêm)

QUẢ GI?

- Da cóc mà bọc bột lọc
Bột lọc mà bọc hòn than.
- Da cóc mà bọc bột lọc
Bột lọc mà bọc hòn son.
- Da cóc mà bọc trứng gà
Bồ ra thơm nức cả nhà muốn ăn.
- Dùng làm mứt, hoặc nấu canh,
Đến khi mất sắc, theo anh học trò.
- Tên em không thiếu, chẳng thừa
Chín vàng ngon ngọt rất vừa lòng anh.

CHÍNH TẢ

- 1 - **Chính tả** (nghe đọc): Bến cảng Hải Phòng.
1. **Bài viết:** Cả bài.
2. **Viết đúng:**
 - giữa, mệnh mông, chuyên.
 - dây - nối đuôi - hải quân.
3. **Luyện tập:**
 - a) Ghép chữ rồi đọc lên:
 - Ghép chữ giữa với các chữ: sông, chính.
 - Ghép chữ chuyên với các chữ: động, lay.
 - b) Điền vào chỗ trống:
 - *đay* hay *gây*: ... núi, ... danh sách.
 - *đuôi* hay *đut*: ... cá, ... mù.
 - *hải* hay *hãi*: ... quân, sợ...

II - **Tập chép** (nhìn bảng): Cảnh đồng lúa chín.
1. **Bài viết:** « Ánh nắng ... thửa ruộng ».

2. **Viết đúng:**

- trĩu, thoang thoàng, gợn.
- rung rinh - tan - trái.

3. **Luyện tập:**

a) Trong các chữ *trĩu, sóng, bông, nước*.

- Chữ nào có thể ghép với chữ *trĩu*?
- Chữ nào có thể ghép với chữ *gợn*?

b) Điền vào chỗ trống:

- *rung hay rung*: ... rinh, gió ... cay, ... dâng ... dễ.
- *tan hay tang*: sương ..., đám ..., ... nát.
- *trát hay trật*: ... chiếu, ... nuôi gà.

TỪ NGỮ

NÔNG THÔN

I - **Những từ ngữ cần ghi nhớ:**

- Làng, xóm, hợp tác xã, nông dân, lũy tre, đường làng, cánh đồng, thửa ruộng, ngày mùa.
- Vàng óng, rộn rã, thoăn thoắt.

II - **Bài tập:**

Chọn từ thích hợp để điền vào bài sau đây:

Ngày mùa chón làng quê

Cánh đồng trước làng rộng mệnh mông, lúa trĩu bông một màu ... Quang cảnh xóm làng ... hẳn lên giữa mùa gặt hái. Bà con xa viên tay liềm tay hái ... gặt hết ... này đến thửa ruộng khác. Trên con ..., đoàn xe cải tiến chất đầy những bó lúa vàng đang nối đuôi nhau tiến về sân phơi ...

1. Câu có thể cắt ra thành nhiều tiếng. Khi nói, từng tiếng có thể ngắt ra rõ ràng. Khi viết, mỗi tiếng viết thành một chữ.

Ví dụ: Sài/Gòn/là/thành/phố/có/vinh/dự/được/mang/tên/Bác/.

2. Tính số tiếng trong các câu sau:

Cảng Sài Gòn có nhiều bến. Bến Nhà Rồng là nơi Bác Hồ đã ra đi để tìm đường cứu nước.

3. Em hãy đặt một câu với từ thành phố. Trong câu em đặt có mấy tiếng? Viết thành mấy chữ?

TẬP LÀM VĂN

QUAN SÁT TRANH VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Đề bài: Cảnh đồng lúa chín.

(Xem tranh ở bài «Cảnh đồng lúa chín»).

2. Câu hỏi:

1. Bức tranh này vẽ cảnh gì? Tại sao em biết là cảnh đồng lúa chín?

2. Dưới ruộng mọi người đang làm gì?

3. Trên đường về thôn, xe cái tiến đang chở gì?

4. Hình ảnh nào cho ta biết cảnh đồng được mùa?

5. Trong bức tranh này em thích hình ảnh nào nhất?



TUẦN LỄ THỨ 13

47. HOA MAI VÀNG

Hoa mai cũng có năm cánh như hoa đào, nhưng cánh hoa mai to hơn cánh hoa đào một chút. Những nụ mai không phồng mà ngời xanh màu ngọc bích. Sắp nở, nụ mai mới phồng vàng. Khi nở, cánh hoa mai xòe ra mịn màng như lụa. Những cánh hoa ánh lên một sắc vàng muốt, muốt mà. Một mùi thơm lừng như nếp hương phảng phất bay ra. Hoa mai trở từng

chùm thưa thớt, không dóm đặc như hoa đào.
Nhưng cánh mai uyển chuyển hơn cánh đào.
Vì thế, khi cánh mai rung rinh cười với gió
xuân, ta liền tưởng đến hình ảnh một đàn bướm
vàng rập rờn bay lượn.

Theo « Mùa xuân và phong tục
Việt Nam »

thuongmaitruongxua.vn

— Ngọc bích: Một loài đá quý màu xanh biếc,
rất đẹp.

★ 1. Hoa mai khác hoa đào như thế nào?

2. Hoa mai khi nở đẹp như thế nào?

3. Ngoài màu sắc đẹp, hoa mai còn có gì khiến
mọi người ưa thích?

4. Tác giả ví những đóa hoa mai rung rinh
trước gió với hình ảnh gì?

5. Đặt một câu với mỗi từ sau đây: rung rinh,
rập rờn.

48. MỘT VÀI CẢNH ĐẸP

(Học thuộc lòng)



Cảnh mùa xuân:

Cỏ non xanh rợn chân trời
Cành lê trắng diễm một vài bông hoa.



Cảnh mùa hè:

Dưới trăng quỳn đã gọi hè
Đầu tường lửa lựu lập lòe đâm bông.



Cảnh mùa thu:

Long lanh đáy nước in trời
Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng.

Trích Truyện Kiều

– Quỳn: Chim cuốc.

– Lửa lựu: Hoa lựu đỏ như màu lửa.

★1. Thơ lục bát gồm hai câu đi liền nhau từng đôi một. Em đếm xem câu trên có mấy tiếng, câu dưới có mấy tiếng. Tiếng thứ 6 của câu trên vần với tiếng thứ mấy của câu dưới?

2. Em hãy tìm những nét đẹp về cảnh mùa xuân được tả trong hai câu đầu.

3. Cảnh mùa hè có gì nổi bật? (âm thanh, hoa).

4. Câu «long lanh đáy nước in trời» cho em biết bầu trời và mặt nước (sông, hồ...) về mùa thu như thế nào?

thuongmaitrangxua.vn

49. VÙNG MỎ

Quê em vàng đen quý
Nơi Vịnh Hạ Long xanh.
Núi Bại Thơ như tranh
Nghiêng nghiêng nhìn sông biếc.

Suối than ngày chảy miết
Còi tàu vang khơi xa.
Buồm căng, thuyền nặng cá.
Ấm no theo về nhà.

PHẠM THỊ LIÊN

b) Điền vào chỗ trống:

- Màng hay màn: mịn . . . , mơ . . . , vải . . .
- phảng hay phàn: . . . phất, tấm . . . gỗ.

II – Tập chép (nhìn sách): Lũy tre.

1. Bạt chép: 3 khổ thơ đầu.

2. Viết đúng:

- lũy, suốt, râm.
- sao – bần thần – mỗi.

3. Luyện tập:

a) Trong các chữ: tre, đêm, thép, ngày.

- Chữ nào có thể ghép với chữ lay?
- Chữ nào có thể ghép với chữ suốt?

b) Điền vào chỗ trống:

- sao hay xao: ngôi . . . , xôn . . . , vì . . . , lao . . .
- an hay ăng: cái c . . . , v . . . lời.

TỪ NGỮ

ÔN TẬP

1. Tò quốc là gì? Tò quốc chúng ta tên là gì?
2. Thành phố lớn đứng đầu một nước thường được gọi là gì? Thủ đô của nước ta tên là gì?
3. Đặt câu với các từ: thành phố, nông thôn, đường phố, đường làng, cánh đồng, thửa ruộng.
4. Điền từ (quê hương, quê quán) vào câu sau đây: Hai anh bộ đội ấy... khác nhau, nhưng cả hai đều yêu... tha thiết.

NGỮ PHÁP

TIẾNG VÀ TỪ

1. Từ thì phải có nghĩa. Tiếng có lúc không có nghĩa. Có từ chỉ gồm một tiếng. Lại có từ gồm hai, ba tiếng.

Ví dụ: Long lanh đầy nước in trời.

Long lanh là từ hai tiếng.

đầy, nước, in và trời là những từ một tiếng.

2. Tìm từ hai tiếng trong ba câu sau:

- Nụ hoa xanh màu ngọc bích.
- Đồng lúa rộng mênh mông.
- Tò quốc ta vô cùng tươi đẹp.

3. Tìm một từ hai tiếng và dùng từ đó đặt câu.

TẬP LÀM VĂN

QUAN SÁT TRANH VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Đề bài: Vùng mỏ.

(Xem tranh ở bài « Vùng mỏ »).

2. Câu hỏi: 1. Đây là bức tranh vẽ vùng mỏ Hòn Gai, em thấy trong tranh có những gì?

2. Trên mặt biển, những chiếc tàu và thuyền đang làm gì?

3. Ở vùng mỏ công nhân làm ra gì để làm giàu cho Tò quốc?

4. Nhìn vào tranh, em hãy đặt thêm một câu hỏi và trả lời.

TUẦN LỄ THỨ 14

51. NHỚ VIỆT BẮC



Ta về, mình có nhớ ta
Ta về, ta nhớ những hoa cùng người
Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi
Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.

Ngày xuân mơ nở trắng rừng
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang.
Ve kêu rừng phách đổ vàng
Nhớ cô em gái hái măng một mình.
Rừng thu trăng rọi hòa bình
Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.

Tích TỐ HỮU

– Việt Bắc: Chỉ một số tỉnh miền núi phía bắc nước ta trước kia được xây dựng thành căn cứ lãnh đạo cách mạng và kháng chiến chống Pháp.

– Phách: Một loại tre rừng.

– Giang: Một loại cây giống cây nứa, rất dẻo, dùng để chẻ làm lạt buộc.

– Ân tình thủy chung: Có ơn có nghĩa, trước sau không thay đổi.

★ 1. Bài này tả cảnh rừng núi hay đồng bằng?
Tại sao em biết?

2. Em hãy tìm những từ chỉ màu sắc trong bài?

3. Trong bài còn tả những âm thanh gì?

4. Tác giả nhớ những cảnh gì, nhớ những người nào?

52. SA PA

(Học thuộc lòng)

Đường lên đỉnh núi Sa Pa,
Hoa chen thăm lá, mây là là bay.



Hương đào thoang thoảng đầu đây
 Nhà ai mận chín, trái cây trĩu cành
 Đường vòng sườn núi quanh quanh
 Bạc thang nương rẫy, nhà tranh ven rừng.
 Chào anh bộ đội biên phòng,
 Cầu Mây, Thác Bạc, trập trùng núi cao.

LÊ NHƯ SÂM

- Sa Pa: Một nơi nghỉ mát nổi tiếng ở miền bắc, thuộc tỉnh Hoàng Liên Sơn.
- Cầu Mây: Tên một cái cầu treo, bắc giữa hai sườn núi.
- Thác Bạc: Tên một ngọn thác chảy từ sườn núi xuống, trông như tấm lụa trắng xóa.

- Bộ đội biên phòng: Bộ đội canh phòng vùng giáp nước ta với một nước khác.

- ★ 1. Câu thứ 2 tả những cảnh đẹp gì?
- 2. Ở câu 3 và 4, ta thấy Sa Pa về mùa hè có những thứ quả gì?
- 3. Đi men theo sườn núi, ta thấy những gì?
- 4. Tìm trong bài những từ láy lại (ví dụ: quanh quanh).

53. NHÀ GẤU Ở TRONG RỪNG

Cả nhà Gấu ở trong rừng. Mùa xuân, cả nhà Gấu kéo nhau đi bẻ măng và uống mật ong



Mùa thu, Gấu đi nhặt quả hạt dẻ. Gấu bố, gấu mẹ, gấu con cùng béo núng nính, bước đi lạch lạch, lạch lạch. Béo đến nỗi khi mùa đông tới, suốt ba tháng rét, cả nhà Gấu đứng tránh gió trong gốc cây, không cần đi kiếm ăn, chỉ mút hai bàn chân mỡ cũng no. Sang xuân ấm áp, cả nhà Gấu đi bê măng, tìm uống mật ong và đến mùa thu lại nhặt quả hạt dẻ. Gấu bố, gấu mẹ, gấu con lại béo rung rinh, chân lại nặng những mỡ, bước đi lạch lạch, lạch lạch...

TÔ HOÀI

- ★ 1. Mùa xuân, Gấu đi kiếm thức ăn gì?
- 2. Mùa thu, Gấu đi kiếm thức ăn gì?
- 3. Tìm những từ tả đàn gấu rất béo?
- 4. Đặt một câu với từ: lạch lạch.

54. CÂU CHUYỆN ĐÀN ONG MẬT

(Bắt đọc thêm)

Ngày xưa có một người dân bà tên là nàng Ong. Nàng Ong làm việc chăm chỉ nhưng vẫn nghèo túng vì nhà đông miệng ăn. Nàng Ong

mong các con khôn lớn để đỡ đần mình. Nhưng lũ con nàng, đứa nào cũng lười. Nàng thường khuyên các con:

Muốn no thì phải chăm làm

Một hạt thóc vàng, chín giọt mồ hôi.

Nhưng không đứa nào nghe. Lũ con gái nói: « Chúng con sẽ đi tìm cái khung cửi thần. Cái khung cửi ấy, cứ gõ vào là ra vải, không cần khó nhọc ngồi dệt ». Lũ con trai nói: « Chúng con sẽ vào rừng tìm cái riu vàng của thần núi. Người ta bảo cái riu ấy có thể tự ngã cây, người không phải mó tay vào ».

Thế rồi một hôm, chúng bỏ nhà ra đi để nàng Ong ở nhà với một mình. Nàng buồn phiền mà chết.

Mấy năm sau, lũ con nàng Ong trở về. Đứa nào cũng rách rưới, xanh xao, vàng vọt. Chúng đã đi khắp núi cao, rừng sâu nhưng không tìm được vật quý. Hồ thẹn vì không nghe lời mẹ dạy, chúng bảo nhau chăm chỉ làm ăn.

Khi chết, chúng gặp nàng Ong. Mẹ con biến thành loài ong bây giờ. Mẹ biến thành Ong chúa, các con biến thành ong thợ. Ong thợ làm việc suốt ngày. Chúng làm ra mật ngọt lịm mà mọi người ưa thích.

Theo VŨ HÙNG

CHÍNH TẢ

I — Chính tả (trí nhớ): Một vài cảnh đẹp.

1. Bài viết: Cả bài.

2. Viết đúng:

- quyen, lập lờ, lựu.
- xanh rợn — cỏ.

3. Luyện tập:

a) Ghép chữ rồi đọc lên:

- Ghép chữ quyen vào các chữ: chim, gọi hè.
- Ghép chữ lờ vào các chữ: lớp, sáng, loạt.

b) Điền từ thích hợp vào chỗ trống:

- Dâu tường lập lờ đâm bông.
- non xanh chân trời.

II — Chính tả (nghe đọc): Nhà Gấu ở trong rừng.

1. Bài viết: «Mùa thu cũng no».

2. Viết đúng:

- hạt dẻ, lặc lè.
- suốt — mứt — đến nỗi.

3. Luyện tập:

a) Điền vào chỗ trống:

— dẻ hay gẻ: Hạt...rất bùi. Cái...lau bàn.

— dẻ hay dẽ: Gấu ăn hạt... Chim... ăn giun.

b) Tìm trong bài chính tả những chữ có dấu hỏi và ngã rồi viết ra.

TỪ NGỮ

RỪNG NÚI



I. — Nhưng từ ngữ cần ghi nhớ:

Rừng, núi, đồi, suối, đèo, lâm sản, thú rừng, chim rừng, gỗ quý.

— Trập trùng, rậm rạp, treo đèo lội suối.

II. Bài tập:

Nhìn vào hình vẽ, em chỉ rõ: đỉnh núi, sườn núi, chân núi, đèo.

— Khi nào bạn vào ở rừng nước ta mà em biết?

— Điền từ thích hợp: ở miền rừng núi thường có cây cối, núi non, Có nơi, học sinh đi học phải mới tới lớp học.

NGỮ PHÁP

CHỮ VÀ CHỮ CÁI

1. Chữ do một hoặc nhiều chữ cái tạo nên.

Dàn chim gáy ở đâu bay về gù vang cánh đồng.

Chữ gáy gồm 3 chữ cái g, a, y.

Chữ ở gồm 1 chữ cái: ơ.

2. Trong hai câu sau đây, tìm những chữ có 3 chữ cái, có 4 chữ cái:

Mặt trời xuống núi ngủ
Tre nằng vằng trăng lên.

3. Em hãy đặt một câu với từ đồng âm. Trong câu em đặt có mấy chữ? Chữ đầu câu có mấy chữ cái? Chữ cuối câu có mấy chữ cái? Trong câu chữ cái nào phải viết hoa?

TẬP LÀM VĂN

QUAN SÁT TRANH VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Đề bài: Nhà Gấu ở trong rừng.

(Xem tranh ở bài « Nhà Gấu ở trong rừng ».)

2. Câu hỏi:

1. Bức tranh nay vẽ cảnh gì?

2. Gia đình nhà Gấu có những ai?

3. Chúng đang làm gì trong rừng?

4. Hình dáng Gấu bố, Gấu mẹ và cả lũ con trông như thế nào?

5. Ở miền rừng núi nước ta, ngoài gấu ra còn có những loài vật gì quý?

TUẦN LỄ THỨ 15

55. BIỂN ĐẸP



Biển rất đẹp! Buổi sáng, nắng sớm tràn trên mặt biển. Mặt biển sáng trong như tấm thảm khổng lồ bằng ngọc thạch. Những cánh buồm trắng trên biển được nắng sớm chiếu vào sáng

rục lên, ở xa trông như đàn bướm trắng lượn giữa trời xanh.

Buổi chiều nắng tàn, mát dịu, biển trong xanh như màu mảnh chai. Xa xa, về phía bắc, mấy ngọn núi màu tím pha hồng. Những đợt sóng nhẹ nhẹ liếm lên bãi cát, tung bọt trắng xóa.

Trích VŨ-TÚ NAM

— Ngọc thạch: Một loại đá quý màu xanh nhạt.

★1. Tìm những từ chỉ màu sắc đẹp trên mặt biển vào buổi sáng.

2. Buổi chiều, biển có những màu sắc gì đẹp?

3. Tác giả so sánh những cánh bướm trắng với vật gì?

4. Tìm từ trái nghĩa với «không lờ». Đặt một câu với từ «không lờ» và một câu khác với từ trái nghĩa đó.

5. Tìm những chữ có 5 chữ cái trong bài trên.

56. CON CHIM CHIÊN CHIÊN

(Học thuộc lòng)

Con chim chiên chiên

Bay vút, vút cao

Lòng đầy yêu mến

Khúc hát ngọt ngào.



Chim bay chim sà
Lúa tròn bụng sữa,
Đồng quê chan chứa
Những lời chim ca.

Bay cao, cao vút
Chim biển mất rồi
Chỉ còn tiếng hót
Làm xanh da trời.

Trích HUY CẬN

— Chiên chiên: Còn gọi là chim sơn ca.

★1. Chim bay vút và chim sà khác nhau thế nào?

2. Tác giả dùng những từ nào để tả chim chiến chiến bay rất cao?

3. Câu nào tả tiếng chim hót rất hay?

4. Cảnh đồng lúa có gì đẹp?

5. Trong 3 dòng dưới đây, dòng nào là câu, dòng nào chưa phải là câu?

Con chim chiến chiến
Chim bay chim sà
Chim biến mất rồi

57. QUÊ EM VÙNG BIỂN

Quê em ở vùng biển.
Phong cảnh đẹp vô cùng:
Nước biển xanh mênh mông,
Sóng nhỏ tràn bãi cát.
Sớm ngày vang tiếng hát,
Từng đoàn thuyền ra khơi,
Chiều ngả bóng mặt trời,
Thuyền về đầy ắp cá.
Quê em giàu đẹp quá!
Em tha thiết yêu quê.

Tích Tập đọc lớp 1 - 1980



★1. Dùng ở bờ biển, ta thấy có gì đẹp? Từ «mênh mông» gợi lên ý gì?

2. Buổi sáng, cảnh bờ biển vui như thế nào?

3. Em hiểu thế nào là đầy ắp? Đặt một câu với từ đầy ắp.

4. Tìm ba từ ở trong bài do 2 tiếng hợp thành.

5. «Chiều ngả bóng mặt trời», em hãy thay cách nói khác có ý nghĩa giống như thế.

58. MÙA SƯƠNG Ở HẠ LONG

(Bắt đọc thêm)

Đi giữa Hạ Long vào mùa sương, ta cảm thấy những hòn đảo vừa xa lạ, vừa quen thuộc, mờ mờ, ảo ảo. Chúng quanh ta, sương buông trắng xóa. Con thuyền bơi trong sương như bơi trong mây. Tiếng sóng vỗ long bong bên mạn thuyền. Tiếng gõ thuyền lộc cộc của bạn chài săn cá, âm vang mặt vịnh. Thỉnh thoảng mấy con hải âu đột ngột hiện ra trong màn sương. Chúng dang cánh sà xuống mặt nước, rồi vội vã bay vọt lên, vô ý đập vào lá buồm.

Vào mùa sương, ngay ở Hạ Long như ngăn lại. Buổi sớm, mặt trời lên ngang cột buồm, sương tan, trời mới quang. Buổi chiều, nắng vừa nhạt, sương đã buông nhanh xuống mặt biển.

Theo THI SÁNH

- **Vịnh**: Chỗ biển ăn sâu vào đất liền.

- **Hạ Long**: Tên một cảnh đẹp ở vịnh Bắc Bộ, gần bờ biển tỉnh Quảng Ninh.

CHÍNH TẢ

I - **Chính tả** (nghe đọc): Biên đẹp.

1. **Bắt viết**: «Biên rất đẹp... giữa trời xanh».

2. **Viết đúng**:

- bướm, lượn, buồm.

- xa - năng - biên.

3. **Luyện tập**:

a) Gạch dưới những chữ có vần uôm và uôn trong câu:

- Hoa thơm bướm lượn.

Gạch dưới những chữ có vần uôm trong câu:

- Éch kêu uôm uôm, ao chuôm đầy nước.

b) Điền vào chỗ trống:

- xa hay sa: gần..., sao..., xi.

- năng hay năn: mưa..., uôn..., ánh..., nót.

II - **Tập chép** (nhìn bảng): Con chim chiến chiến.

1. **Bắt chép**: Cả bài.

2. **Viết đúng**:

- Chiến chiến, ngọt ngào.

- sà - chan chứa, biến - sửa.

3. **Luyện tập**:

a) Ghép chữ rồi đọc lên:

- Ghép chữ chiến chiến với các chữ: hót, bay.

- Ghép chữ ngọt ngào với các chữ: tiếng nói, lời ru.

b) Điền vào chỗ trống:

- Chan hay chang: ..., chứa, ..., canh, năng
..., chang.

- Sửa hay sưa: ..., bờ, ..., lõi, ..., đậu nành,
..., soạn.

TỪ NGỮ

BIỂN

I - Những từ ngữ cần ghi nhớ:

- biển (bể) vịnh
- bờ biển cảng
- bãi biển đảo
- mệnh mông, thoải thoải, lộng gió, ra khơi.

II - Bài tập:

1. Điền ba từ dưới đây vào chỗ trống:

hải quân
hải đảo
hải sản

Biển cho ta rất nhiều quý. Ở ngoài các anh bộ đội phải canh phòng ngày đêm. Trên mặt biển, tàu của ta đi tuần.

2. Điền các từ sau đây vào chỗ trống: thoải, thoải, ra khơi, mệnh mông, lộng gió:

Biển rộng Bãi biển Bờ biển luôn luôn Sáng sớm, đoàn thuyền đánh cá

NGỮ PHÁP

BẢNG CHỮ CÁI

Chữ Việt có tất cả 29 chữ cái.

a	d	h	n	q	ư
ã	đ	i	o	r	v
â	e	k	ô	s	x
b	ê	l	ơ	t	y
c	g	m	p	u	

- Em hãy học thuộc bảng chữ cái trên theo đúng thứ tự.

TẬP LÀM VĂN

QUAN SÁT TRANH VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Đề bài: Cảnh biển buổi sáng.

(Xem tranh ở bài «Biển đẹp»)

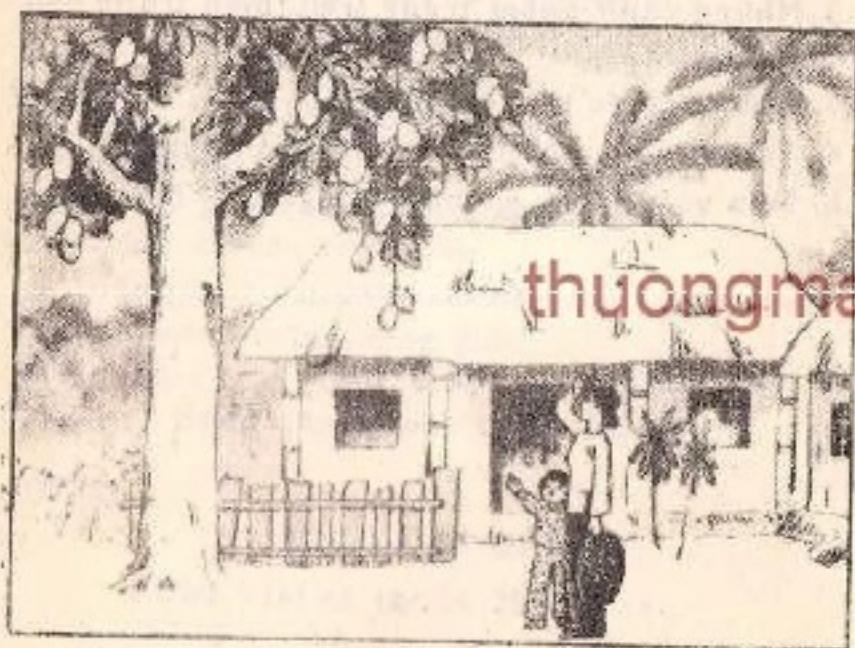
2. Câu hỏi:

a) Quan sát tranh rồi trả lời:

1. Mặt biển buổi sáng ra sao?
 2. Những cánh buồm trắng trên biển trông đẹp như thế nào?
 3. Những chiếc thuyền đang làm gì?
 4. Trong tranh còn có hình ảnh nào đẹp?
- b) Dựa vào tranh, em hãy tự nghĩ ra 2 câu hỏi.

TUẦN LỄ THỨ 16

59. CÂY XOÀI CỦA ÔNG EM



Ông em trồng cây xoài cát này trước sân, khi em còn đi lăm chằm. Cuối đông, hoa nở trắng cành. Trông từng chùm quả to, đu đưa theo gió đầu hè, em càng nhớ ông. Mùa xoài nào, mẹ em

cũng chọn những quả chín mọng, vàng đẹp và to nhất, bày lên bàn thờ ông.

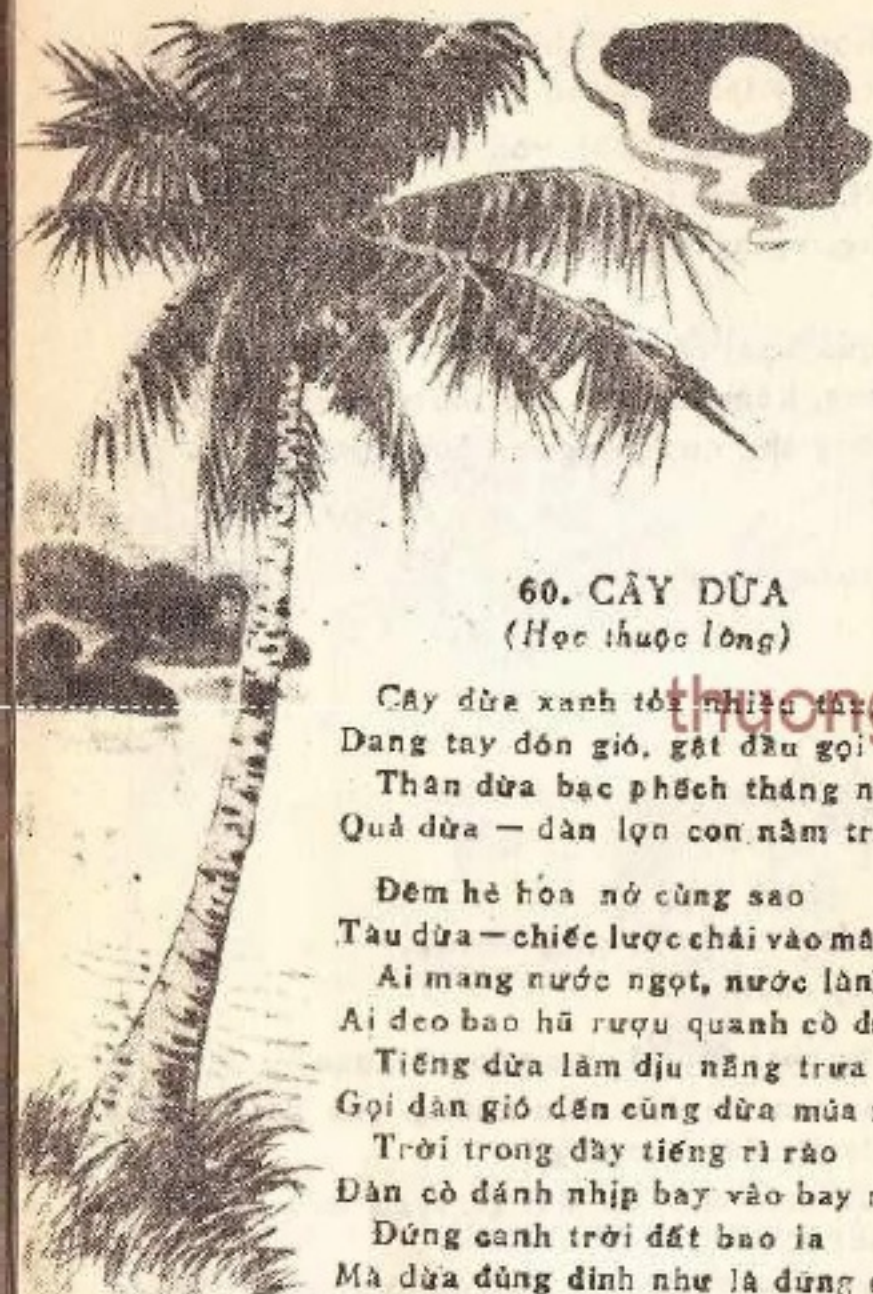
Xoài thanh ca, xoài voi, xoài tượng... đều ngon. Nhưng em thích xoài cát nhất. Mùi thơm dịu dàng, vị ngọt đậm đà, màu sắc đẹp, quả lại to.

Ăn quả xoài cát chín, trái từ cây của ông em trồng, kèm với xôi nếp hương, thì đối với em không thứ quả gì ngon bằng.

ĐOÀN GIỚI

- Đi lăm chằm: đi chấp chững.
- Trái: hái.

- ★ 1. Cây xoài có quả chín vào mùa nào?
- 2. Tại sao mẹ lại chọn những quả xoài ngon nhất bày lên bàn thờ ông?
- 3. Quả xoài chín có mùi gì, vị gì, màu sắc như thế nào?
- 4. Em đặt một câu với từ: đu đưa, chín mọng, đậm đà.



60. CÂY DỪA (Học thuộc lòng)

Cây dừa xanh tốt nhiều trái,
Dang tay đón gió, gật đầu gọi trăng.
Thân dừa bạc phếch tháng năm,
Quả dừa — đàn lợn con nằm trên cao.

Đêm hè hoa nở cùng sao
Tàu dừa — chiếc lược chải vào mây xanh.
Ai mang nước ngọt, nước lành,
Ai đeo bao hồ rượu quanh cò dừa.
Tiếng dừa lâm dịu nắng trưa
Gọi đàn gió đến cùng dừa mùa reo.
Trời trong đầy tiếng rì rào
Đàn cò đánh nhịp bay vào bay ra.
Dừng canh trời đất bao la
Mà dừa đứng đĩnh như là đứng chơi.

TRẦN ĐĂNG KHOA

★1. Những từ nào tả cây dừa như người, biết vui chơi, biết lo nhiệm vụ?

2. Tác giả so sánh quả dừa, tàu dừa với vật gì?
3. Tìm những tiếng có vần trong bốn câu thơ đầu.
4. Ở nước ta, vùng nào có nhiều dừa?

61. TRUYỆN VUI VỀ CÂY THÌ LÀ (Bắt đọc thêm)

Ngay xưa, cây cối trên trái đất đều chưa có tên gọi. Trời bèn gọi các cây lên để đặt cho mỗi loại cây một cái tên. Nghe tin đó, đám cây cối mừng lắm và mỗi loại đều cử một cây lên trời để nhận tên.

Lên đến trời, trên một bãi rộng, các cây to, nhỏ, cao, thấp đứng chen chúc nhau. Trời ngồi trên một gò cao, lần lượt đặt tên cho các cây to rồi đến các cây nhỏ. Trời trò tay vào từng cây và đặt tên:

- Chú thì ta đặt tên cho là cây dừa;
- Chú thì ta đặt tên cho là cây cau;
- Chú thì đặt tên cho là cây mít;
- Chú thì tên là cây nhãn;
- Chú thì tên là cây hồng...

Trời nói mãi, mỗi cả mồm mà vẫn chưa hết.
Vì vậy, lúc đầu trời còn nói câu dài. Về sau,
trời chỉ nói vắn tắt:

- Chú thì là cây cái;
- Chú là cây ớt;
- Chú là cây tỏi...

Khi tất cả các cây đều đã có tên, trời tưởng
hết, bỗng còn một cây tiến đến chỗ trời đề xin
đặt tên. Trời nhìn thấy một cây nhỏ xiu như que
hương, thân mảnh khảnh, lá lẫn tẩn. Trời hỏi:

- Chú bé tí xiu, có ích gì mà cũng xin đặt tên?

Cây nhỏ liền thưa:

- Thưa Trời, con rất có ích. Khi nấu canh
riêu cá hoặc làm các món ăn như chả cá, chả
mực mà không có con thì mất cả ngon.

Trời liền bảo:

-Ừ, ta sẽ nghĩ cho một cái tên. Tên chú
thì... là...

Trời còn đang suy nghĩ, chưa biết nên đặt tên
là gì, khi nhìn xuống thì cây nhỏ đã chạy đi xa
rồi. Nó mừng rỡ nói với bạn bè: Trời đặt cho
tôi là cây «Thì là»!

Văn học dân gian Việt Nam

(TRỊNH MẠNH LƯU)

CHÍNH TÀ

1 - Chính tà (nghe đọc): Quê em vùng biển.

1. Bài viết: Cả bài (10 câu).

2. Viết đúng:

- Mệnh mông, đoàn thuyền, dầy ắp.

- tràn, bãi.

3. Luyện tập:

a) Ghép chữ rồi đọc lên.

- Ghép chữ mệnh mông vào các chữ: rộng, biên cò.

- Ghép chữ thuyền vào các chữ: đoàn, con, chiếc.

b) Điền vào chỗ trống:

- Ấp hay ắp: thuyền dầy ... cá, gà mái... trứng.

- tràn hay tràng: nước..., dầy..., ... pháo, ... võ.

- bát hay bắt: ... cát, ... biên; ... hoài tay chân.

11 - Chính tà (trí nhớ): Sa Pa.

1. Bài viết: 6 câu đầu.

2. Viết đúng:

- Sa Pa, trầu, quanh.

- bạc thang - đỉnh.

3. Luyện tập:

a) Viết tên riêng các địa phương sau:

Pắc Bó, Kông Tum, Đa Lạt, Play Cu

b) Điền vào chỗ trống.

- bạc hay bát: ... thang, nổi..., vượt..., ... đèn.

- đỉnh hay đính: ... núi, ... đầu, ... đặc.

RUỘNG VƯỜN, CÂY CỐI

I - Những từ ngữ cần ghi nhớ:

- | | |
|-----------------------|--------------------|
| 1. Vườn rau | ruộng lúa, rẫy lúa |
| Vườn cây ăn quả | nuông ngô |
| 2. Gốc cây, thân cây, | hoa, quả, |
| cành cây, vòm lá | |
| - vun xới, sum sê. | |

II - Bài tập:

Điền từ thích hợp vào chỗ trống:

Cây xoan

Ở vườn nhà Liên có cây Thân cây mọc thẳng, vươn cao, cành lá ... Mùa này xoan chín vàng, rụng đầy cây. Từng đàn chào mào, sáo đen kéo nhau về, riu rít trong ... xanh tím ăn quả chín.

BẢNG CHỮ CÁI

1. Đọc thuộc lòng bảng chữ cái.
2. Trong các cặp chữ cái sau, theo thứ tự trong bảng chữ cái, chữ nào đứng sau, chữ nào đứng trước?

b và e;

n và h;

p và t;

v và r.

3. Xếp những nhóm chữ cái sau đây theo đúng thứ tự trong bảng chữ cái:

- a - d - g - c - e;

- h - o - m - s - t;

- b - c - p - v - y.

TẬP LÀM VĂN

QUAN SÁT TRANH VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Đề bài: Cây dừa.

(Xem tranh ở bài « Cây dừa »)

2. Câu hỏi:

1. Cây dừa mới nhìn giống cây gì?

2. Cây dừa có những bộ phận nào? Trong tranh, bộ phận nào gợi lên hình ảnh đẹp dưới trăng?

3. Cây dừa có dáng vẻ gì khác hẳn các cây khác? (ví dụ: cây tre, cây xoan).

4. Em biết ở đâu có nhiều dừa?



TUẦN LỄ THỨ 17

62. MÙA XUÂN ĐẾN

Hoa mận vừa tàn thì mùa xuân đến. Bầu trời ngày thêm xanh. Nắng vàng ngày càng rực rỡ. Vườn cây lại đâm chồi, nảy lộc. Rồi vườn cây ra hoa. Hoa bưởi nồng nàn. Hoa nhãn ngọt. Hoa cau thoang qua. Vườn cây lại đầy tiếng chim và bóng chim bay nhảy. Những thím chích chòe nhanh nhẩu. Những chú khướu lăm điệu. Những anh chào mào dóm dáng. Những bác cu gáy trầm ngâm...

Chú chim sâu vui cùng vườn cây và các

loài chim bạn. Nhưng trong trí nhớ thơ ngây của chú còn mãi mãi sáng ngời hình ảnh một cảnh hoa mận trắng, biết nở cuối mùa đông dề báo trước mùa xuân tới.

NGUYỄN KIÊN

- Mận: Loài cây có hoa trắng, quả màu nâu hay xanh nhạt, ăn có vị ngọt chua.
- Khướu: Loài chim mình đen, hay hát.
- Trầm ngâm: Có dáng lặng lẽ như đang suy nghĩ.

★ 1. Một năm có mấy mùa, hãy kể theo thứ tự? Cái gì báo trước mùa xuân đến?

2. Khi mùa xuân đến, cảnh vật thay đổi như thế nào? (hãy trình bày có, loài vật).

3. Em hãy tìm trong bài những tiếng chỉ người đem dùng cho loài chim. Dùng như thế rất hay, tại sao?

4. Trong bài này, có hai thứ được tả nhiều nhất. Đó là thứ gì?

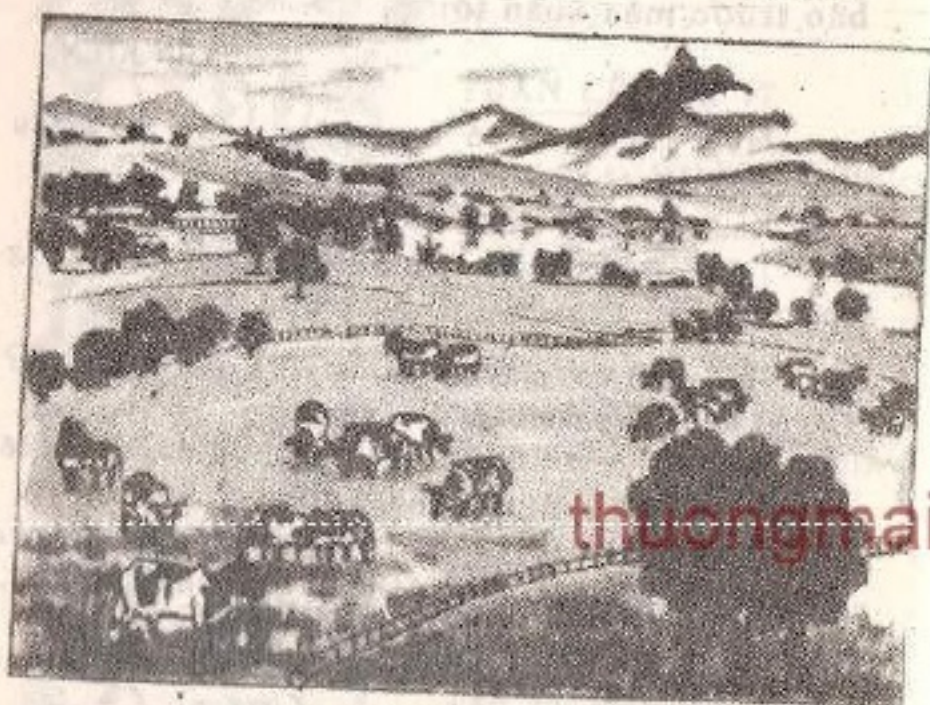
63. THĂM TRẠI BA VÌ

(Học thuộc lòng)

Đầu năm, thăm trại Ba Vì
Phồn phơ bò giống, xanh rì cỏ non.
Bò to như chú voi con
Lạ lùng què mới, mắt tròn ngó quanh

Suối Hai hồ nước trong xanh
Tân Viên núi đẹp như tranh giữa trời.

TỔ HỮU



— Ba Vi: Tên một ngọn núi cao ở về phía tây thủ đô Hà Nội, còn gọi là núi Tân Viên. Nông trường Ba Vi ở sát dưới chân núi, chuyên chăn nuôi các giống trâu bò quý nhập của nước ngoài.

- ★ 1. Ở trại Ba Vi, ta chăn nuôi gì?
- 2. Tác giả ví con bò to như con gì?
- 3. Tại sao lại nói bò « la lòng quê mới »?
- 4. Cảnh Ba Vi có gì đẹp?
- 5. Đặt một câu với mỗi từ: la làng, ngó.

64. ĐƯỜNG DÂY ĐIỆN



Một đường dây điện
Từ phía chân trời
Chạy đến xã tôi
Cột cao, cao vút.

Hàng cột như bước
Từng bước qua đồng
Cột vượt sang sông
Lao xa nhanh nhẹn.

Một đôi chim én
Bay dậu trên dây,
Đậu rồi lại bay,
Bay xong lại ngậm.

Trên cao thăm thẳm
Đôi én reo vang:
« Đường dây qua làng
Xưa đâu có thấy! »

VÔ QUANG

★1. Tác giả tưởng tượng hàng cột điện biết cử động như người qua những từ nào?

2. Hàng cột ấy từ xa đi tới và còn đi rất xa. Tìm câu nào nói ý ấy (đọc kỹ khổ 1 và 2 sẽ thấy).

3. Đường dây điện bắc qua làng đã lâu chưa? Vì sao em biết?

4. Nỗi ngạc nhiên của chim én, được bộc lộ ra trong những câu thơ nào?

5. Đặt một câu với mỗi từ sau đây: đau, ngấm, cao vút, thăm thẳm.

65. HÀNG CÂY TRỒNG THEO LỜI BÁC

(Bắt đọc thêm)

Đây là cây xà cừ
Lá tròn và xanh biếc.
Đây là cây bạch đàn
Lá xanh thoa phấn bạc.

Khắp ngã đường quê ta,
Cây xoe cho bóng mát,
Cây cùng ta về nhà,
Cây đưa ta đi học.

Chúng em vâng lời Bác
Trồng tiếp những hàng cây
Cho mùa đông xanh tươi
Cho mùa hè gió mát.

Và hàng cây nhớ Bác,
Cứ vươn dài, vươn dài...

NGUYỄN THANH TOÀN

CHÍNH TẢ

I – Chính tả (nghe đọc): Mùa xuân đến.

1. Bắt viết: « Hoa mận ... trăm ngăm ».

2. Viết đúng:

– Xuân, thoảng, chích chòe, khướu.

– dăm chồi – tàn – nảy lộc.

3. Luyện tập:

a) Tìm và viết lại những chữ có vần uân trong các câu sau:

Người đi như chẳng nhớ gì Tết xuân.

Người đi quên hết gian truân.

Say mê như một dân quân trên đường

(Tố Hữu)

b) Điền vào chỗ trống:

– Chồi hay trồi: cây dăm ... nảy lộc; rễ cây ... lên mặt đất.

– Tàn hay tông: mùa đông đã ..., nhà báo ..., hoa ...

II – Chính tả (trí nhớ): Cây dừa.

1. Bắt viết: 6 câu đầu.

2. Viết đúng:

– tỏa, bạc phếch, lược.

– chải – trắng.

3. Luyện tập:

a) Gạch dưới chữ tỏa và chữ phếch trong các câu:
Cây tỏa bóng mát. Khói tỏa mịt mù. Bức tường trắng phếch. Cây cau bạc phếch. Cái áo trắng phếch.

- b) Điền vào chỗ trống:
- Chát hay trát: lược ... đầu, đầu ... tóc, ... chiếu, ... thắm ra phơi.
 - Trạng hay trún: vắng ... sáng; con ... giống con rắn to.

TỪ NGỮ

ÔN TẬP

A — Trả lời câu hỏi:

1. Núi khác đồi thế nào?
 2. Kể tên ba phần khác nhau của một ngọn núi từ trên xuống dưới. Đèo ở đâu?
 3. Rừng có những gì nhiều và quý?
 4. Vịnh khác cảng như thế nào? Đâu nằm ở đâu?
 5. Ruộng khác nương thế nào? Kấy là gì?
- B — Điền từ thích hợp vào chỗ trống: thấp, bực, rầy, cảng, cao, vịnh, vắng, đèo. Núi ..., đồi ... Lên dốc xuống ... Rừng ... biển ... Phá ... làm nương. Tàu vào ... tránh bão. Tàu rời ... ra khơi.

NGỮ PHÁP

ÔN: TIẾNG, TỪ, CHỮ, CHỮ CÁI

1. Câu sau đây có mấy tiếng:
- Nhân dân Việt Nam rất anh hùng.
2. Câu trên gồm mấy từ?
3. Tìm một từ gồm 2 tiếng ghép thành.
4. Chữ « xương » gồm mấy chữ cái? Chữ « trường » gồm mấy chữ cái?

5. Tìm 1 chữ có 1 chữ cái (ví dụ: ô)
- Tìm 1 chữ có 2 chữ cái (ví dụ: ta)
- 3 chữ cái (ví dụ: bàn)
- 4 chữ cái (ví dụ: chân)
6. Đọc thuộc lòng bảng chữ cái.

TẬP LÀM VĂN

QUAN SÁT TRANH VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI

I — Đề bài: Trại Ba Vì.

(Xem tranh ở bài « Thăm trại Ba Vì »).

II — Câu hỏi:

1. Trại bò giống này nằm giữa những cảnh đẹp nào?
2. Bò ở đây như thế nào?
3. Dân bò đang làm gì?
4. Ở quê em có những trại chăn nuôi nào?

GIẢI ĐÁP CÂU ĐỐ

Bài số	Tuần lễ	Tên bài	Tên đồ vật
15	4	Câu đố: Đồ dùng của học sinh	1. Bát mực 2. Bát chì 3. Quyển vở
46	12	Câu đố: Quả gì	1. Quả nhãn 2. Quả vải 3. Quả mít 4. Quả bí 5. Quả đu đủ

MỤC LỤC

Bài số	Tuần lễ	Phân môn	Tên bài	Trang
			Chứa đa:	
			NHÀ TRƯỜNG	
1	1	Tập đọc	Bác Hồ khuyên học sinh	5
2		Học thuộc lòng	Cái trống trường em	7
3		Tập đọc	Niềm vui ngày khai trường	8
4		(Bài D.T)	Mùa thu đẹp	10
		Chính tả	Bác Hồ khuyên học sinh	10
			Niềm vui ngày khai trường	11
		Từ ngữ	Ngày khai trường	11
		Ngữ pháp	Câu	12
		Tập làm văn	Diễn từ: Niềm vui ngày khai trường	12
5	2	Tập đọc	Ngôi trường mới	13
6		Học thuộc lòng	Di học	14
7		Tập đọc	Đẹp mà không đẹp	16
8		(Bài D.T)	Có giao với mùa thu	17
		Chính tả	Ngôi trường mới	18
			Cái trống trường em	18
		Từ ngữ	Trường học	18
		Ngữ pháp	Câu (tiếp theo)	19
		Tập làm văn	Diễn từ: Ngôi trường mới	19

Bài số	Tuần lễ	Phần môn	Tên bài	Trang
9	3	Tập đọc :	Dàn kiến nó đi	20
10		Học thuộc lòng	Cô giáo lớp em	21
11		Tập đọc	Bé và chim chích bông	22
12		(Bài Đ.T)	Chợ bộ đội lái máy bay	24
		Chính tả	Dàn kiến nó đi	25
			Đẹp mà không đẹp	25
		Từ ngữ	Thầy trò	25
		Ngữ pháp	Câu - Mở đầu và kết thúc	26
		Tập làm văn	Diễn từ: Cô giáo, thầy giáo chúng em	26
13		Tập đọc	Cò và vạc	27
14		Học thuộc lòng	Quyền vở của em	28
15		(Bài Đ.T)	Câu đố: Đồ dùng của học sinh	30
		Chính tả	Cò và vạc	30
	4		Đi học	31
		Từ ngữ	Đồ dùng học sinh	31
		Ngữ pháp	Câu - Mở đầu và kết thúc (tiếp theo)	32
		Tập làm văn	Diễn từ: Đồ dùng của Lan	32
				32
16	5	Tập đọc	Có chí thì nên	33
17		Học thuộc lòng	Khuyến chăm học	35
18		Tập đọc	Chú gà trống ưa dậy sớm	35
		(Bài Đ.T)	Vượt bậc	37
19		Chính tả	Có chí thì nên	38
			Chú gà trống ưa dậy sớm	38
		Từ ngữ	Ôn tập	39
		Ngữ pháp	Câu	39
		Tập làm văn	Diễn từ: Có chí thì nên	40
				40

Bài số	Tuần lễ	Phần môn	Tên bài	Trang
			Chú gà:	
			GIA ĐÌNH	
20	6	Tập đọc	Tình cảm gia đình	42
21		Học thuộc lòng	Mẹ	43
22		Tập đọc	Bố làm thợ mộc	44
23		(Bài Đ.T)	Lòng mẹ	45
		Chính tả	Tình cảm gia đình	46
			Quyền vở của em	46
		Từ ngữ	Gia đình	47
		Ngữ pháp	Câu - Hai bộ phận chính	47
		Tập làm văn	Diễn từ: Gia đình của Sơn	48
				48
24	7	Tập đọc	Làm anh	49
25		Học thuộc lòng	Ngôi nhà	51
26		Tập đọc	Bé Hoa	52
27		(Bài Đ.T)	Ông tôi	54
		Chính tả	Làm anh	54
			Bé Hoa	55
		Từ ngữ	Ông bà	55
		Ngữ pháp	Câu - Hai bộ phận chính	56
		Tập làm văn	Diễn từ: Chị và em	56
				56
28	8	Tập đọc	Bé Mai đã trở thành người lớn như thế nào?	57
29		Học thuộc lòng	Nói với em	59
30		Tập đọc	Giàn mướp	60
31		(Bài Đ.T)	Quạt cho bà ngủ	62
		Chính tả	Bé Mai đã trở thành người lớn như thế nào?	63
			Mẹ	63
		Từ ngữ	Họ hàng nội ngoại	64
		Ngữ pháp	Câu - Hai bộ phận chính	64
				64
				64

Bài số	Tuần lễ	Phân môn	Tên bài	Trang
		Tập làm văn	Quan sát tranh và trả lời câu hỏi: Giàn mướp	65
32	9	Tập đọc	Đồ dùng đồ ở đầu	66
33		Học thuộc lòng	Dàn gà mới nở	68
34		(Bài D.T)	Có chồi rơm	69
		Chính tả	Đồ dùng đồ ở đầu	70
			Dàn gà mới nở	70
		Từ ngữ	Ôn tập	71
		Ngữ pháp	Câu—Hai bộ phận chính	71
		Tập làm văn	Quan sát tranh và trả lời câu hỏi: Dàn gà mới nở	72
			Chú đề:	
			ĐẤT NƯỚC TA	
35	10	Tập đọc	Vẽ quê hương	74
36		Học thuộc lòng	Ta yêu quê ta	75
37		Tập đọc	Hồ Gươm	77
38		(Bài D.T)	Rừng miền đông	78
		Chính tả	Vẽ quê hương	79
			Nói với em	80
		Từ ngữ	Quê hương đất nước	80
		Ngữ pháp	Câu—Hai bộ phận chính (tiếp theo)	81
		Tập làm văn	Quan sát tranh và trả lời câu hỏi: Quê hương	82
39	11	Tập đọc	Bến Nhà Rồng	83
40		Học thuộc lòng	Gạch đỏ	85
41		Tập đọc	Bến cảng Hải Phòng	86
42		(Bài D.T)	Bốn mùa hoa thắm	87
		Chính tả	Bến Nhà Rồng	88
			Ta yêu quê ta	88
		Từ ngữ	Thành phố	89
		Ngữ pháp	Ôn tập câu	89
		Tập làm văn	Quan sát tranh và trả lời câu hỏi: Nhà máy gạch	90

Bài số	Tuần lễ	Phân môn	Tên bài	Trang
43	12	Tập đọc	Cánh đồng lúa chín	91
44		Học thuộc lòng	Lũy tre	93
45		(Bài D.T)	Con đường làng	95
46			Câu đố: Quả gì	96
		Chính tả	Bến cảng Hải Phòng	96
			Cánh đồng lúa chín	97
		Từ ngữ	Nông thôn	97
		Ngữ pháp	Tiếng và chữ	98
		Tập làm văn	Quan sát tranh và trả lời câu hỏi: Cánh đồng lúa chín.	98
47	13	Tập đọc	Hoa mai vàng	99
48		Học thuộc lòng	Một vài cánh đẹp	101
49		Tập đọc	Vùng mỏ	103
50		(Bài D.T)	Chim én tìm tổ	105
		Chính tả	Hoa mai vàng	105
			Lũy tre	106
		Từ ngữ	Ôn tập	106
		Ngữ pháp	Tiếng và từ	107
		Tập làm văn	Quan sát tranh và trả lời câu hỏi: Vùng mỏ	107
51	14	Tập đọc	Nhớ Việt Bắc	108
52		Học thuộc lòng	Sa Pa	109
53		Tập đọc	Nhà Gấu trong rừng	111
54		(Bài D.T)	Câu chuyện dân ong mật	112
		Chính tả	Một vài cánh đẹp	114
			Nhà Gấu ở trong rừng	114
		Từ ngữ	Rừng núi	115
		Ngữ pháp	Chữ và chữ cái	115
		Tập làm văn	Quan sát tranh và trả lời câu hỏi: Nhà Gấu ở trong rừng	116

Bài số	Tuần	Phân môn	Tên bài	Trang
55	15	Tập đọc	Biển đẹp	117
56		Học thuộc lòng	Con chim chiến chiến	118
57		Tập đọc	Quê em vùng biển	120
58		(Bài D. T)	Mùa sương ở Hạ Long	122
		Chính tả	Biển đẹp	123
			Con chim chiến chiến	123
		Từ ngữ	Biển	124
		Ngữ pháp	Bảng chữ cái	124
		Tập làm văn	Quan sát tranh và trả lời câu hỏi: Cảnh biển buổi sáng	125
59	16	Tập đọc	Cây xoài của ông em	126
60		Học thuộc lòng	Cây dừa	128
61		(Bài D. T)	Truyện vui về cây thi là	129
		Chính tả	Quê em vùng biển	131
			Sa Pa	131
		Từ ngữ	Ruộng vườn, cây cối	132
		Ngữ pháp	Bảng chữ cái (tiếp theo)	132
		Tập làm văn	Quan sát tranh và trả lời câu hỏi: Cây dừa	133
62	17	Tập đọc	Mùa xuân đến	134
63		Học thuộc lòng	Thăm trại Ba Vì	135
64		Tập đọc	Dương dây điện	137
65		(Bài D. T)	Hàng cây trồng theo	
		Chính tả	lời Bác	138
			Mùa xuân đến	139
			Cây dừa	139
		Từ ngữ	Ôn tập	140
		Ngữ pháp	Ôn: tiếng, từ, chữ, chữ	140
			cái	140
		Tập làm văn	Quan sát tranh và trả lời câu hỏi: Trại Ba Vì	141
			Giải đáp câu đố	142